

Số: **583** /QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị Định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 07/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015 Ban hành Quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế bao gồm:

Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế (Phụ lục I), Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về áp dụng mức thuế (Phụ lục II), Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về phân loại (Phụ lục III), Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về thuế nhập khẩu bổ sung (Phụ lục IV), Bản hướng dẫn xây dựng và sử dụng Danh mục (Phụ lục V) và các Biểu mẫu kèm theo (Phụ lục VI) (sau đây gọi tắt là Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế).

Điều 2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế là cơ sở để cơ quan hải quan sử dụng kiểm tra việc khai báo của người khai hải quan về tên hàng, mã số hàng hóa, mức thuế suất của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan hoặc sau khi hàng hóa được thông quan theo quy định, được lưu hành nội bộ và sử dụng thống nhất trong ngành hải quan.

Điều 3. Giao Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ và hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này để:

1. Tổ chức triển khai việc khai thác, sử dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.

2. Tổ chức cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời kết quả kiểm tra chi tiết hồ sơ; kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa; kết quả xác định mã số, mức thuế vào hệ thống thông tin dữ liệu tương ứng.

3. Tổ chức thu thập, phân tích và tổng hợp các nguồn thông tin theo quy định để đề xuất, báo cáo Tổng cục Hải quan xây dựng, bổ sung, điều chỉnh Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế theo định kỳ vào ngày 30 hàng tháng.

Điều 4. Giao Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan, Cục trưởng Cục Quản lý rủi ro, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Vụ trưởng Vụ Thanh tra - Kiểm tra: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này để đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế gửi Tổng cục Hải quan (Cục thuế xuất nhập khẩu) theo định kỳ vào ngày 30 hàng tháng.


Điều 5. Giao Cục trưởng Cục thuế xuất nhập khẩu: Định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất (trong trường hợp cần thiết) trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Danh mục thay thế hoặc Danh mục sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế trên cơ sở thông tin thu thập được và đề xuất sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Cục Kiểm định Hải quan, Cục Quản lý rủi ro, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Vụ Thanh tra - Kiểm tra.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2019 và thay thế Quyết định số 2844/QĐ-TCHQ ngày 28/9/2018 và Quyết định số 3945/QĐ-TCHQ ngày 20/11/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 7. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: *VT*

- Như Điều 7;
- Thủ trưởng Vũ Thị Mai (để báo cáo);
- TCT Nguyễn Văn Căn (để báo cáo);
- Các Phó TCT (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, TXNK - PL (03b).


KHI TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Dương Thái
Nguyễn Dương Thái



Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU RỦI RO
VỀ PHÂN LOẠI VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 583 /QĐ-TCHQ ngày 22/3/2019 của
Tổng cục Hải quan)

I. Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về áp dụng mức thuế:

STT	Tên hàng hóa Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
		Mã số doanh nghiệp khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	4	3	5
1	Xi sắt	2619000010	26011110 26011190 26011210 26011290 26012000	Khai báo là Xi sắt để được xuất khẩu quặng sắt và tinh quặng sắt; để hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp hơn
2	Đá Granite đã qua gia công thành sản phẩm hoàn chỉnh, mài bóng 1 mặt QC 240cm trở lên 70cmx2cm (có tổng trị giá tài nguyên khoáng sản và chi phí năng lượng nhỏ hơn 51%)	68022300	68022300	Khả năng khai sai tổng trị giá tài nguyên khoáng sản và chi phí năng lượng để hưởng thuế suất 0%

II. Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về phân loại:

STT	Tên hàng hóa Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
		Mã số doanh nghiệp khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
1	Bột đá canxi cacbonat, kích thước hạt > 1mm (hàng xuất khẩu)	2517490010 2517490020	2517490030	DN khai báo sai mã số nhằm hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp hơn.
2	Viên gỗ mùn cưa, nén thành dạng thanh, đóng 17,5 kgs/ thùng, hàng sản xuất tại Việt Nam	44013100	4402909020	Mặt hàng bán chất là "Than làm từ mùn cưa" (mã số 4402.90.90.20), DN khai báo sai tên hàng và mã số nhằm hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp.
3	Than củi từ rừng trồng	4402909010 4402909020	4402909090	Hàng hóa không đáp ứng các quy định tiêu chuẩn nhưng doanh nghiệp khai đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo Nghị định 125/2017/NĐ-CP để được hưởng thuế suất 5% (hàm lượng tro ≤3%; hàm lượng carbon cố định là carbon nguyên tố, không mùi, không khói khi tiếp lửa ≥70%; nhiệt lượng ≥ 7000Kcal/kg; hàm lượng lưu huỳnh ≤0,2%.)

4	Ván lạng (Hàng xuất khẩu)	44123900 44129990	44089010 44089090	Bản chất mặt hàng là gỗ nguyên liệu, DN khai báo là gỗ thành phẩm để được hưởng thuế suất thấp. (VD DN khai báo gỗ ván bạch đàn rừng trồng, mã 4412.39.00 thuế xk 0%, nhưng kiểm tra thực tế là gỗ ván bóc, lạng mã số 4408.90.90, thuế xk 10%
5	Gỗ để làm sàn, chưa lắp ghép (hàng XK)	44189990	44092100 44092200 44092900	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất khấu 0%
6	Ván sàn	44189090	44091000	Khai sai mã số hàng hóa để hưởng thuế suất thấp hơn
7	Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã bào hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép đầu nối, có độ dày trên 6mm	44219999	4407991010 4407991090 4407999010 4407999090	Khai báo sai mã số, mục đích sử dụng thực tế hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
8	Đồ kim hoàn bằng vàng, đồ kỹ nghệ bằng vàng, các sản phẩm khác bằng vàng.	7113191090 7113199090 7114190090 7115901090	7113191010 7113199010 7114190010 7115901010	Do thuế xuất khẩu chênh lệch nên DN có thể: + Vàng ở dạng nguyên liệu xuất khẩu khai báo là vàng trang sức, kỹ nghệ để được hưởng thuế suất thuế XK 0%. + Gian lận ở phiếu kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng. + Gian lận là xuất khẩu theo hình thức gia công xuất khẩu hoặc gian lận để đủ điều kiện để xác định là được sản xuất toàn bộ từ nguyên liệu nhập khẩu, xk theo loại hình sản xuất xuất khẩu để không phải xuất trình Phiếu kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng.
9	Sten đồng	7401000010	26030000	Khai báo là sten đồng để được phép xuất khẩu đồng hoặc tinh quặng đồng
10	Đồng tinh luyện và hợp kim đồng, chưa gia công Đồng ở dạng thanh, que, hình	74091900 74092900 74093900 74094000 74099000	74031200 74031300 74031900 74032100 74032200 74032900 74071030 74071040 74072100 74072900	Khai báo mã số sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn.
11	Đồng dạng thanh, que, hình	74199999	74071030 74071040 74072900	Mặt hàng bản chất là Đồng dạng thanh, que, hình. DN khai báo sai mã số, mục đích sử dụng thực tế hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
12	Nhôm ở dạng thanh, que và hình	76069100 76069200 76109099 76169990	76041010 76041090 76042110 76042190 76042910 76042930 76042990	Mặt hàng bản chất là Nhôm dạng thanh, que, hình. DN khai báo sai mã số, mục đích sử dụng thực tế hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp

1.

13	Nhôm dạng thanh, que, hình	76169990	76041090 76042990	Mặt hàng bản chất là Nhôm dạng thanh, que, hình. DN khai báo sai mã số, mục đích sử dụng thực tế hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
14	Nhôm chưa gia công hợp kim dạng hình được sản xuất từ phế liệu.	76169990	7601200090	DN khai báo kích thước hạt bột đá nhỏ hơn nhằm hưởng mức thuế suất xuất khẩu thấp hơn
15	Thiếc dạng thanh, que, hình	80070099	8003009010	Mặt hàng bản chất là Thiếc dạng thanh, que, hình. DN khai báo sai mã số, mục đích sử dụng thực tế hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
16	Chân bàn, chân ghế (bộ phận của ghế ngồi) (Hàng XK)	94019099	4407	Mặt hàng bản chất là gỗ dạng thanh (thuộc nhóm 44.07), DN khai báo sai tên hàng, mã số nhằm hưởng thuế suất khẩu thấp



Phụ lục II

MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU RỦI RO VỀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 583 /QĐ-TCHQ ngày 22/3/2019 của Tổng cục Hải quan))

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
1	Cá nước ngọt (còn sống)	03019942 03019310	03019949 03019390	Khai báo sai mục đích sử dụng từ cá chép thường thành cá chép để làm giống nhằm hưởng mức thuế suất thấp.
2	Động vật giáp xác đông lạnh đã được hun khói: - Tôm hùm đá và các loại tôm biển khác; - Cua ghe vỏ mềm; - Tôm hùm nauty - Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh; - Tôm shrimps và tôm prawn khác: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh...	03061190 03061290 03061490 03061500 03061600 03061711 03061719 03061721 03061722 03061729 03061730 03061790 03061900	03061110 03061210 03061410 98041500 98041600 98041711 98041719 98041721 98041722 98041729 98041730 98041790 98041900	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng (không khai báo đặc tính hun khói của hàng hóa) nhằm áp dụng mã số hàng hóa có mức thuế suất thấp hơn (để không áp dụng chương 98)
3	Động vật giáp xác không đông lạnh đã được hun khói (loại đóng hộp kín khí) - Tôm hùm đá và các loại tôm biển khác; - Cua ghe; - Tôm hùm nauty - Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh; - Tôm shrimps và tôm prawn khác	03069129 03069139 03069229 03069329 03069429 03069521 03069529 03069929	03069121 03069131 03069221 03069321 03069421 98042811 98042819 03069921	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng (không khai báo đặc tính hun khói của hàng hóa) nhằm áp dụng mã số hàng hóa có mức thuế suất thấp hơn (để không áp dụng chương 98)
4	Đậu triều, đậu sắng (Cajanus cajan)	07136010	07136090	Khai báo sai mục đích sử dụng từ loại thường thành loại để gieo trồng nhằm hưởng mức thuế suất thấp hơn
5	Khoai tây chiên	20052011	19059080	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (trường hợp có C/O mẫu D, thuế suất từ 0% --> 5%)
6	Chế phẩm hương liệu dùng trong chế biến thực phẩm/Katsuobushi Powder KFP-103 (nguyên liệu SX bột mỳ) trộn)	21069098	33021090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm hương liệu dùng trong chế biến thực phẩm, dạng bột, màu trắng. Thành phần gồm: Hỗn hợp các chất thơm ~ 2% gồm Terpeneene, Linalool, thymol, cymene... và maltodextrin

9/12

7	Than Anthracite	27011210 27011290	27011100	Lợi dụng mặt hàng khó xác định thành phần để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế bảo vệ môi trường thấp. Cụ thể: Khai sai giới hạn chất bốc (>14%) để khai báo tên hàng vào mặt hàng Than bi-tum (thực tế hàng hóa là than Anthracite). Đối với mặt hàng than đá: -Than Anifracite: Thuế BVMT là 20.000đ/tấn - Than bi-tum: Thuế BVMT là 10.000đ/tấn
8	Magiê Sulphat	31022900	28332100	Loại không phải dùng làm phân bón nhưng Khai báo là phân trung lượng bón rễ Magnesium Sulphate để không chịu thuế GTGT
9	Chế phẩm thuốc màu phân tán trong môi trường không chứa nước, dạng bột nhão	32129019	32151900	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Mực in dạng bột nhão.
10	Sáp để chuốt sợi	34042000 34049010 34049090	27129090	Khai sai đặc điểm hàng hóa, mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế ưu đãi đặc biệt thấp
11	Tấm kẽm đã tráng dùng cho máy in Offset	37050090	37013000	DN khai báo mặt hàng đã phơi sáng, tuy nhiên cần kiểm tra mặt hàng đã hay chưa phơi sáng
12	Xi măng portland, xi măng nhôm, xi măng xỉ (xốp) đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanke	38160010	25232100 25232990	Khai báo sai độ chịu lửa để vào mã số có thuế suất thấp hơn Khai sai mã số hưởng/ áp dụng các biểu FTA nhằm lấy thuế xuất thấp
13	POLYPROPYLENE(B-114) DẠNG HẠT	39021090	39043020	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Copolyme vinyl clorua-vinyl axetat nguyên sinh, dạng bột, trong đó vinyl clorua chiếm tỷ trọng cao hơn.
14	Hạt nhựa nguyên sinh (đã hoặc chưa hóa dẻo) chưa pha trộn với chất nào khác	390421	39041010	Khai báo vào loại khác để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt 0% (C/O mẫu E)
15	Màng nhựa tổng hợp SYNTHETIC FILM PE-75, 1090MM*8070MM	39219090	39202091 39202099	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Màn hình nhựa polypropylene, không xốp, chưa được gia cố với vật liệu khác.
16	Gỗ dán Plywood: 2 lớp mặt dày 0.5mm và 7 lớp dày 1.5mm	44123900	44123300	Thực tế 01 hoặc 02 lớp gỗ ngoài cùng là gỗ không thuộc họ lá kim (gỗ Dải Ngựa; Dương (Polar); Bạch Đàn...) nhưng cố ý khai vào loại có 01 hoặc 02 lớp gỗ ngoài cùng thuộc họ lá kim để gian lận thuế Khai sai mã số để được áp dụng các Biểu thuế FTA (Form E) để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt
17	Ván plywood	44123900	44123400	Khai báo sai tên hàng, mã số để được hưởng ưu đãi C/O từ Trung Quốc
18	Thanh nẹp phào trần bằng gỗ đã qua xử lý nhiệt và sơn tráng phủ dùng làm khung ảnh	44219190 44219999	44140000	Khai báo vào nhóm sản phẩm khác bằng gỗ để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt khi có C/O form E
19	Than gáo dừa	44029010	44021000	Doanh nghiệp lợi dụng khai báo hàng hóa là than gáo dừa (thuế suất 0%) nhưng thực xuất khẩu than tre (thuế suất 10%) để hưởng thuế suất thấp hơn
20	Vải dệt thoi (vải bò)	52114900	52114200	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất tại các biểu thuế ưu đãi đặc biệt. Thực tế hàng là Vải denim. thuế suất ưu đãi đặc biệt Form E 15%, thuế suất NK ưu đãi 12%.

21	Mex dựng (từ sản phẩm không dệt)	56031100 53031200 56031300 56031400	56039100 56039200 56039300 56039400	Doanh nghiệp khai báo thành phần cấu tạo hàng hóa và mã số hàng hóa khác với bản chất hàng hóa để hưởng mức thuế ưu đãi đặc biệt thấp hơn theo các mã số khai báo.
22	Sản phẩm không dệt	56031200 56031300 56031400	56039200 56039300 56039400	DN khai báo hàng Sản phẩm không dệt có thành phần từ sợi filament nhân tạo, áp mã 5603.11.00, 56031200, 56031300, 56031400 có thuế suất ưu đãi đặc biệt thấp hơn tại một số biểu ưu đãi đặc biệt (0, 1, 2, 3, 7) % nhưng thực tế hàng là Sản phẩm không dệt loại khác (không phải từ sợi filament nhân tạo) thuộc các mã 56039200, 56039300 hoặc 56039400 có thuế suất ưu đãi đặc biệt cao hơn.
23	Vải không dệt, 47g/m ²	56031200	56039200	Thực tế mặt hàng là Vải không dệt từ xơ staple nhưng DN thường khai và áp mã của mặt hàng Vải không dệt từ filament để gian lận thuế. Khai sai mã số để được áp dụng các Biểu thuế FTA (Form E) để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt
24	Vải không dệt từ sợi polyester (23GCX40') (Trọng lượng 23g/m ²)	56039100	56039200	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế có trọng lượng 27g/m ² nhưng DN cố ý khai mã số thuộc mặt hàng có trọng lượng nhỏ hơn 25g/m ² để gian lận thuế. Khai sai mã số để được áp dụng các Biểu thuế FTA (Form E) để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt
25	Vải mùng, 100% polyester từ xơ nhân tạo, dệt kim sợi dọc	60059090	60053790	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Vải dệt kim sợi dọc, thành phần 100% polyester, bề mặt vải chưa được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp, vải đã nhuộm, dạng cuộn. Khai sai mã số để được áp dụng các Biểu thuế FTA (Form E) để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt
26	Đá nhân tạo Artificial stone, đá mài bóng 01 mặt, cắt cạnh. QC: 3230*1630*15)mm	68109900	68101910	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Tấm lát (tiles) bằng đá nhân tạo, thành phần chính gồm đá vôi và chất kết dính hữu cơ, đã đánh bóng 01 mặt.
27	Kính nổi dùng trong xây dựng	70060090	70052190	Khai báo Kính nổi đã gia công, áp mã 70060090 TSNK ưu đãi 30% (C/O form E 0%), thực tế hàng là Kính nổi đã phủ màu mờ, không có cốt thép, chưa gia công thuộc mã 70052190 TSNK ưu đãi 40% (không được hưởng C/O form E)
28	Kính tối an toàn (Kính tối an toàn phù hợp dùng cho xe thuộc Chương 87)	70071110	98451000	DN khai báo không đầy đủ thông tin Mã hàng này được chi tiết tại Chương 98, nhóm 9845 với các yêu cầu chi tiết về hàng hóa.
29	Kính dán an toàn nhiều lớp phù hợp dùng cho xe thuộc Chương 87	70072110	98452000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
30	Sắt hoặc thép không hợp kim dạng thanh và que, dạng cuộn cuốn không đều, được cán nóng dùng làm thép cốt bê tông, có mặt cắt ngang hình tròn đường kính dưới	72139190	72139120	Mã 72139190 không chịu thuế tự vệ và có mức thuế suất MFN thấp nên DN khai báo vào mã số này mặc dù bản chất của mặt hàng là thép cốt bê tông

31	Thép hợp kim Cr hoặc Bo, cán nóng	72139190	72279000	Khai báo hàng là thép không hợp kim, cán nóng, dạng cuộn, áp mã 72139190 TSNK ưu đãi 3%, nhưng thực tế hàng là Thép hợp kim Cr hoặc Bo, cán nóng thuộc mã 72279000 TSNK ưu đãi 0%, (mã số chương 98 9811.00.00 10%), hàng chịu thuế Tự vệ và thuộc diện có giấy phép NK
32	Sắt hoặc thép không hợp kim dạng thanh và que, dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng dùng làm thép cốt bê tông, có mặt cắt ngang hình tròn đường kính \geq 14mm	72139990	72139920	Mã 72139990 không chịu thuế tự vệ và có mức thuế suất MFN thấp nên DN khai báo vào mã số này mặc dù bản chất của mặt hàng là thép cốt bê tông
33	Thép hợp kim có chứa nguyên tố Bo trừ chủng loại thép cán phẳng được cán nóng	7225 7226 7227 7228 7229	98110010 98110090	Không Khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
34	Bán thành phẩm của thép hợp kim	72254090	72249000	Khai báo là thép tấm cán nóng để tránh thuế tự vệ
35	Thép hợp kim dạng thanh dùng để sản xuất nhíp ô tô Hàng mới 100%, sản xuất năm 2016 Phù hợp với tiêu chuẩn JIS G4801	72286090	98110010	Doanh nghiệp không khai báo thành phần, đặc tính của hàng hóa để không khai báo theo mã số Chương 98 hưởng mức thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
36	Thép hợp kim dạng dây, được gia công tạo hình nguội, mặt cắt ngang hình tròn 2.1mm,	72299090	72299090 (Mã số phân loại theo Chương 98 Biểu thuế ưu đãi: 98110090)	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Dây thép hợp kim – Hàm lượng Bo lớn hơn 0,0008% tính theo trọng lượng (Bo là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim), chưa qua sơn, phủ, mạ hoặc tráng.
37	Ống chống bằng thép hàn có đầu nối đi kèm, đường kính từ 20 inch đến 36 inch, sử dụng trong khoan dầu hoặc khí	73052000	98280000	Không Khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
38	Ống chống và ống khai thác bằng thép hàn có ren, đường kính từ 2 - 3/8 inch đến 20 inch, sử dụng cho khoan dầu khí, loại bằng thép không gỉ	73062100	98291000	Không Khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
39	Ống chống và ống khai thác bằng thép hàn có ren, đường kính từ 2 - 3/8 inch đến 20 inch, sử dụng cho khoan dầu khí, loại khác	73062900	98292000	Không Khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
40	Phôi nhôm	76012000	76042910	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Nhôm hợp kim, mặt cắt ngang đồng đặc hình tròn, ở dạng thanh và que được ép đùn DN cổ tinh khai ở dạng chưa qua gia công để gian lận thuế

9/11

41	Tấm, thanh, dạng hình, ống và các loại tương tự bằng nhôm, đã được gia công để sử dụng làm kết cấu	76042990	76109099	Khai báo không đủ về mô tả hàng hóa (mức độ gia công), mục đích sử dụng đề nghị được hưởng ưu đãi theo C/O mẫu E, áp mã 3924xx để hưởng thuế suất 0%
42	Nhôm thanh định hình đã được gia công sử dụng làm kết cấu	76042990	76109099	Khai báo nhôm thanh định hình chưa được gia công để hưởng thuế suất thấp hơn, đặc biệt là khi sử dụng C/O mẫu E
43	Điều hòa không khí loại âm trần, áp tường	84158291 84158194	84151010	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (đặc biệt các trường hợp có C/O mẫu E)
44	Bình làm nóng, lạnh nước hoạt động bằng điện	85167990	85161011 85161019	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp (C/O mẫu E)
45	Bộ loa đã lắp cùng 1 vỏ loa	85182990	85182290	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (trường hợp có C/O mẫu E, thuế suất từ 0% -> 10%)
46	Camera giám sát	85258051 85258059	85258040	Khai sai đặc điểm hàng hóa, mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế ưu đãi đặc biệt thấp
47	Cáp điều khiển bọc nhựa PVC	85444949	85444941	Khai sai chất liệu bọc của cáp điều khiển (cáp điện) để hưởng mức thuế suất ưu đãi thấp hơn (từ 10% thành 0% khi xuất trình C/O form E hợp lệ)
48	Xe ô tô có động cơ khác dùng để vận tải hàng hóa có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 10 tấn nhưng không quá 20 tấn	87043293	98213093	Mặt hàng có bản chất là bộ linh kiện rời đồng bộ hoặc không đồng bộ để lắp ráp sản xuất ô tô nhưng doanh nghiệp không khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp
49	Xe ô tô có động cơ khác dùng để vận tải hàng hóa có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn	87043294	98213094	Mặt hàng có bản chất là bộ linh kiện rời đồng bộ hoặc không đồng bộ để lắp ráp sản xuất ô tô nhưng doanh nghiệp không khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp
50	Đồ nội thất sử dụng trong phòng khách	94036090	94033000 94034000 94035000	khai sai mục đích sử dụng nhằm hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt C/O mẫu E 0%
51	Thịt và phụ phẩm ăn được của gà lôi	98010000	02076000	Khai báo sai tên hàng (không khai báo đặc tính đã chặt mảnh của mặt hàng) nhằm hưởng mức thuế suất thấp tại Chương 98, mã số 9801.00.00
52	Ông xy lanh khác dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87	84099944	98453000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
53	Bơm nước	84137x	84138x	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thuế NK thấp Bơm nước không phải bơm ly tâm, nhưng áp mã bơm ly tâm để hưởng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt 0% (C/O mẫu E) (trong khi bơm nước loại khác 8413.80 t/s ACFTA 12%)
54	Bạc nhíp (dùng cho động cơ xe của Chương 87)	84833030	98454000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương

55	Bạc phụ tùng dùng cho bộ bánh răng và cụm bánh răng khớp, trục bánh xe có răng, đĩa xích và các bộ phận truyền chuyển động ở dạng riêng biệt; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn.	84834040	98455000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
56	Hộp số chưa lắp ráp hoàn chỉnh (dùng cho xe thuộc nhóm 8704, 8705)	87084013	98457100	DN không khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương Mã hàng này được chi tiết tại Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Hộp số HS14, HS19, GT10, GT2,HDC"
57	Hộp số chưa lắp ráp hoàn chỉnh (loại khác)	87084019	98457300	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Hộp số HS14, HS19, GT10, GT2,HDC" để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
58	Hộp số đã lắp ráp hoàn chỉnh (dùng cho xe thuộc nhóm 8704, 8705)	87084027	98457500	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Hộp số HS14, HS19, GT10, GT2,HDC" để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
59	Hộp số đã lắp ráp hoàn chỉnh (loại khác)	87084029	98458000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Hộp giảm tốc trục vít-bánh vít" để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
60	Bộ phận của hộp số (dùng cho xe thuộc nhóm 8703)	87084092	98459010	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng " Ống dẫn sửa dụng cho dẫn dầu hộp số ô tô", để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97
61	Bánh xe chưa được lắp lốp (dùng cho xe thuộc nhóm 8703)	87087032	98459020	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Vành bánh xe". để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
62	Ống xả và bộ giảm thanh, bộ phận của chúng (dùng cho xe thuộc nhóm 8703)	87089220	98459090	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Ống xả" để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương

7/11



Phụ lục III

LIÊN MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 583 /QĐ-TCHQ ngày 22/3/2019 của Tổng cục Hải quan)

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
1	Cá saba đông lạnh	03035990 03038911 03038919 03039900	03035420	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
2	Ruốc cá, ruốc cá hồi	03049900 03054100 21039019	16042099	DN khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
3	Nghêu (ngao), sò còn sống	03077120	03077110	Khai sai mục đích sử dụng từ (sống) thành (tươi) để hưởng mức thuế suất thấp
4	Mực tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	03074229 03074390	03074221 03074310	DN khai báo sai tên khoa học để hưởng thuế suất NK thấp hơn
5	Trứng cá tầm dùng nhân giống	03019921 05119990	05119190	Khai sai mã số
6	Kem tươi tiệt trùng có hàm lượng chất béo $\geq 20\%$	04029100	04015010	Khai báo sai tên hàng, bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn
7	Củ tỏi khô	07032090	07129010	Mặt hàng tỏi khô nhưng áp vào mã số tỏi tươi để hưởng thuế suất thấp hơn
8	Me chua bóc vỏ còn hạt	08109060	08134020	Mặt hàng là me khô nhưng khai vào mã số me tươi để hưởng thuế suất thấp hơn
9	Hạt trân châu (có thành phần từ tinh bột)	0902 1108 1701 1901 1905 2007 2101 2106	19030000	Doanh nghiệp khai báo sai mã HS để hưởng thuế suất thấp hơn
10	Ngô hạt Popcorn Công ty khai báo là: Nguyên liệu thực phẩm Bắp hạt 50-55/10g, 22.68 kgs/ bao	10059090	10059010	Công ty khai báo loại khác Thuế suất 0%.
11	Bắp mảnh nhỏ	10059090	1904	Mặt hàng NK là các mảnh bắp đã được làm chín sơ

Handwritten signature

12	Bột bắp – CC402 Degermed Yellow Corn Cones	11031300	11022000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột ngô với tỷ lệ trên 90% lọt qua sàng bằng lưới kim loại với kích thước mắt sàng 500µm
13	Yến mạch dạng mảnh ăn ngay được	1104	1904	DN nhầm lẫn giữa sản phẩm ăn ngay được và SP chưa ăn ngay được
14	Yến mạch các loại	11041200	190410 190420	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất ((không khai báo đã được làm chín hay chưa, đã rang hay chưa rang)
15	Bột lúa mạch dùng để chế biến thực phẩm bánh (ORGE: FARINE INTEGRALE)	11042920	11031990	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột thô từ đại mạch
16	Nguyên liệu sản xuất bánh kẹo: Hỗn hợp Bột đậu nành, bột sữa gầy, lòng trắng trứng, tinh bột sắn	11062090	19012030	Mặt hàng thực tế là Chế phẩm thực phẩm dạng bột, thành phần chính gồm: bột đậu nành, tinh bột sắn, bột sữa tách kem. Lòng trắng trứng, protein...dùng trong sản xuất bánh
17	Thực phẩm bổ sung có thành phần là chất chiết từ rễ và bột của các cây	12119099	21069072	Khai báo sai tên hàng, đặc điểm với nguyên liệu dùng trong chế biến thực phẩm để áp dụng mã số 12119090 nhằm hưởng mức thuế suất thấp
18	Hỗn hợp dầu thực vật Release Liquid - Release Liquid A V DDPRA- 1(41000138)	15180019	15179030	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm tách khuôn có thành phần từ hỗn hợp este của dầu béo, chất nhũ hóa, nước, ...
19	NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT BÁNH KẸO: Chất béo thực vật - Oleo 609	15180019	15179090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp của chất béo từ động vật và dầu thực vật, dùng trong chế biến thực phẩm
20	Chất béo thay thế bơ ca cao Choco Hi - Hàng mới 100%	15180019	15162098	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dầu hạt cọ đã hydrogen hóa, dạng nhão
21	NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT BÁNH KẸO: Đường Dextrose Anhydrous	17021100	17023010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Đường Glucose dạng bột với hàm lượng Glucose > 99% DN cố ý khai sai hàm lượng đường là Glucose thành Lactoza để gian lận thuế
22	Đường nâu DARK BROWN SUGAR	17049099	17019910	Khai sai mã số thuế nhằm hưởng thuế suất trong hạn ngạch
23	Kẹo Malenkoe; Kẹo sữa mềm Chudo có nhân lạc, dừa; Kẹo sữa mềm không nhân Ariadna	1704 1806	1905	Khai sai bản chất mặt hàng

[Handwritten signature]

24	Sô cô la loại khác ở dạng khối, miếng, thanh	18063100	18063200	Hàng nhập khẩu là loại không có nhân nhưng doanh nghiệp khai báo là có nhân để hưởng mức thuế suất thấp hơn
25	Sô cô la dạng viên không nhân	18069010	18063200	Hàng nhập khẩu dạng khối không nhân (hình nón...), nhưng doanh nghiệp khai báo là dạng viên không nhân để hưởng mức thuế suất thấp hơn
26	Nguyên liệu sản xuất bánh kẹo: Hỗn hợp Bột ca cao và bột whey	18061000	18069090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm dạng bột, thành phần: bột ca cao, bột whey – lactose, protein, dùng trong sản xuất bánh.
27	Kẹo raffaello, bánh kẹo khác	18063100	19053210 19053220	Mặt hàng bán chất là một loại bánh xốp phủ sô cô la đóng gói nhỏ (hình dáng như kẹo) thuộc nhóm 1905 Tuy nhiên, do khái niệm kẹo, bánh dễ bị hiểu nhầm nên DN khai mã số 18063100
28	Chế phẩm dùng cho trẻ em đã đóng gói bán lẻ - (Cơm nhào trộn gia vị bổ sung như rau, thịt gà...) dùng cho trẻ từ 9 tháng tuổi, 1 gói 80g, HSD 18 tháng (kiểu chế phẩm ăn dặm trẻ em)	19011092 19011099	19049010	Sản phẩm mới để nhầm các nhóm 19
29	Nguyên liệu sản xuất bánh kẹo: Bột hòa trộn	19012010	19012030	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm dạng bột, thành phần chính gồm: bột sữa tách kem, bột whey, tinh bột, muối iốt, bột vani, protein, dùng trong sản xuất bánh
30	Kem sữa, kem hoa quả. Chế phẩm từ sữa dành cho trẻ em	19011020	04069000	Khai báo không đầy đủ về thành phần, bỏ qua thành phần chihs là pho mát làm ảnh hưởng đến mã số phân loại
31	Mặt hàng Snack khoai tây và Snack bắp; khoai tây chiên vị BBQ Snack khoai tây chiên vị tự nhiên; Snack khoai tây chiên vị hành, kem chua; Snack bắp Bacon Cheddar Cheese	19041090	19059080	Khai sai mã số
32	Bánh không nướng, có chứa tinh bột, đường khử, chất béo... được sử dụng để ăn ngay	19053110 19053120	19059090	Khai sai mã số nhằm hưởng mức thuế suất thấp

33	Bánh quy ngọt	19053110 19053120	19051000 19052000 19053210 19053220 190540 190590	Mặt hàng không phải là bánh quy ngọt nhưng DN khai là bánh quy ngọt nhằm hưởng mức thuế suất thấp Chú giải HS nhóm 1905 đã có giải thích cụ thể về bánh quy ngọt
34	Bánh quy mềm (không chứa cacao) vị sữa Soft milk cookies	19053110	19059090	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UE, UEĐB thấp hơn
35	Khoai tây chiên, bánh lát khoai tây các vị khác nhau (đóng gói trong hộp giấy loại 75g, 160g*14cans/ctn)	20041000 20052011 20052019 20052091 20052099	19059080 19059090	Khai báo khoai tây chiên nhưng thực tế là bánh lát bằng khoai tây: bánh làm bằng bột khoai tây nhóm 1905) sẽ có thuế suất cao hơn so với khoai tây lát (nhóm 2004, 2005) chiên rồi bảo quản
36	Khoai tây chiên các loại hiệu Pringles	20052011	19059080	Khai báo khoai tây chiên nhưng thực tế là bánh lát bằng khoai tây: bánh làm bằng bột khoai tây nhóm 1905) sẽ có thuế suất cao hơn so với khoai tây lát (2004; 2005) chiên rồi bảo quản
37	Khoai tây dùng để chiên, trừ dạng lát, dạng mảnh, dạng thanh và dạng que	2005201x	2005209x	Doanh nghiệp lợi dụng thay đổi thuế suất của các dòng hàng để khai thuế suất thấp
38	Bột nở đã pha chế dùng để chế biến thực phẩm bánh (ACTI-FRESH PO 01)	21023000	11010011	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột mì và chất nhũ hóa mono and diglycerides của axit béo(E471), natri stearoyl 2-lactylate(E481)... dạng bột
39	Acti fresh	21023000	21069091	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp hóa chất thực phẩm có giá trị dinh dưỡng, dùng trong chế biến thực phẩm
40	Đồ uống không có ga khác dùng ngay được không cần pha loãng	21069071	22029950	Khai báo sai mã số để hưởng mức thuế suất thấp hơn
41	Thực phẩm bổ sung dạng lỏng, chứa chiết xuất thực phẩm, vitamin C, đường	21069072	22029950	Khai báo sai mã số để hưởng mức thuế suất thấp hơn
42	Hỗn hợp bột khác của hóa chất với thực phẩm hay các chất có giá trị dinh dưỡng dùng để chế biến thực phẩm (PREMIX TEGRAL SATIN CREME CAKE)	21069091	19012010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột trộn để chế biến bánh ngọt chứa tinh bột, carboxymethylxenlulo, chất nhũ hóa..., không chứa ca cao
43	Phụ gia thực phẩm có giá trị dinh dưỡng dùng để chế biến thực phẩm (PALSGAARD 6115)	21069091	15179050	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp dầu thực vật từ lạc, hạnh nhân, tahina... đã hydrogen hóa, dạng rắn

44	Palsgaard	21069091	15179050	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp dầu thực vật đã nhũ hóa, dạng rắn
45	Chế phẩm hương liệu dùng làm hương liệu thực phẩm AMBIANTE (WHITE), hàng mới 100%	21069098	21069030	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Kem không sữa, thành phần chính từ đường, chất béo, dầu ... dạng lỏng, đóng gói hộp giấy 1000 ml/hộp
46	Bột xuyt dùng trong chế biến thực phẩm	21069099	21041099	Khai báo sai mã số để hưởng mức thuế suất thấp hơn
47	Nguyên liệu thực phẩm Chocolate coating	21069098	21069099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
48	Bột Carob - CAROMIC (CAROBA) phụ gia thức ăn chăn nuôi	23080000	12129200	Khai sai chủng loại hàng hóa nhằm hưởng thuế suất ưu đãi thấp
49	Hương liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	23099020	33029000	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng thuế suất thấp hơn
50	Chất bổ sung enzym trong thức ăn gia súc	23099020	35079000	Khai báo sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
51	Chất tạo hương trong thức ăn gia súc	23099020	33029000	Khai báo sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
52	Chế phẩm dùng trong sản xuất TẮCN : IMMUNOWALL (1000 Bags x 25 kgs = 25.000 kgs), hàng mới 100%	23099020	21022010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Nấm men dùng hoạt động, dạng bột
53	Soy Protein Concentrate (Chế phẩm bổ sung protein dùng trong thức ăn chăn nuôi)	23099020	23040090	Khai báo sai tính chất hàng hoá để hưởng thuế suất thấp Hàng hóa là chế phẩm từ đậu tương đã tách béo, hàm lượng protein ~ 64% theo khối lượng, dùng trong thức ăn chăn nuôi
54	Phụ gia thức ăn gia súc (SUNNY BINDER)	23099020	39091090	Khai báo sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp. Hàng hóa là chế phẩm có thành phần chính là polymethylolcarbamine (nhựa ure formaldehyde) nguyên sinh, dạng bột, hàm lượng vô cơ khoảng 5% khối lượng, dùng làm chất kết dính, tạo viên trong thức ăn chăn nuôi
55	Bột Carob - CAROMIC (CAROBA) phụ gia thức ăn chăn nuôi	23099020 23080000	12129200	Khai không đúng chủng loại hàng hóa nhằm hưởng thuế suất ưu đãi thấp mặt hàng CAROMIC (CAROBA- phụ gia thức ăn chăn nuôi) là bột nghiền từ quả minh quyết (bột quả bồ kết), sử dụng để sản xuất thức ăn chăn nuôi
56	Lưu huỳnh, dạng bột	25030000	28020000	Không khai báo rõ đặc tính hàng hóa nên dễ lẫn với dòng hàng 25030000
57	Lưu huỳnh dioxit để sản xuất axit sunfuric dạng hạt không đều	25030000	28020000	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn

Handwritten mark

58	Hóa chất cho khuôn - dùng để tráng khuôn trước khi cho nguyên liệu vào khuôn sản xuất ra sản phẩm, Chất kết dính - ATTAPULGITE - ACTI-GEL 208, hàng mới 100%	25084090	35069900	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
59	Barisulphate	25111000	28332700	Khai sai bản chất tự nhiên hay tổng hợp
60	Đá phiến (Slate), chưa mài bóng, cắt cạnh, dạng tấm, QC: (235~600*200~300*12)mm	25140000	68030000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Đá phiến, dạng tấm, một mặt được gia công phù hợp làm vật liệu ốp lát
61	Bột Canxi cacbonate	25174100 25174900	28365010 28365090 25309090	Không khai bản chất ở dạng khoáng, bột đá tự nhiên hay dạng tổng hợp hóa học
62	Sạn đăm chịu lửa ANKERINDUX MB14-6 C thành phần chính là nhôm oxit Al ₂ O ₃ =8465%, cỡ hạt 0-6mm	25174900	38160090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
63	Đá mài	25132000	68042200	Khai báo tên hàng không rõ ràng rồi áp mã có TS thấp hơn
64	Tinh quặng Zircon, hàm lượng Zircon >60% tính theo khối lượng, dạng bột. 25kg/bao, tổng số 1000 bao/25000kg, hàng mới 100%	26151000	25309010	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
65	Tinh quặng kẽm sunfua ZnS (hàm lượng 46,8%)	26203000	26080000	Khai báo sai tên hàng, mã số hàng hóa nhằm mục đích tránh sự kiểm tra về chính sách mặt hàng trong quá trình làm thủ tục hải quan (Doanh nghiệp khai báo mã số : 2620300010, tên hàng: XI thái lò quay dạng bột, tận thu trong quá trình luyện đồng Sau khi có Thông báo về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: Tinh quặng kẽm sunfua ZnS hàm lượng 46,8% (mã số 26080000))
66	Hỗn hợp Hydrocarbon – Hydrocarbon Mixtures	27075000	27101260	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dung môi dầu nhẹ có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng
67	Chế phẩm tách khuôn, chế phẩm bôi trơn có thành phần cơ bản chứa nhỏ hơn 70% dầu mỡ	27101943 27101944 27101990	34031912 34031919 34031990	Chỉ Khai báo là: Chế phẩm làm róc khuôn, chế phẩm bôi trơn, bỏ qua thành phần, đặc điểm hàng hóa để hưởng chênh lệch thuế suất giữa các mặt hàng thuộc nhóm 3403 và lẫn với hàng hóa thuộc phân nhóm 271019
68	Dầu parafin	27129010	27101990	Khai báo là sáp parafin để tránh thuế môi trường

69	Quặng kẽm	2817001010	2608 2620	Quặng khai báo là bột kẽm oxit 28.17 hoặc xi thu được từ quá trình luyện kim 26.20
70	Phụ gia thực phẩm Caso Food Flakes (Calcium Chloride Food Additive-25kg/Bao)	28272090	28272010	Không khai báo rõ hàm lượng Canxi Clorua (tính theo trọng lượng) để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
71	Men in Zirconium Silicate AO nguyên liệu sản xuất gạch men, mới 100%	28399000	25309010	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
72	Chất xúc tiến DMA10 (JOTUN ACCELERATOR DMA10 1L)	29025000	32110000	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (0%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (3%) để gian lận thuế
73	Cồn e-ti-lích chưa chế biến	29051900	22071000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
74	Sorbitol Solution 70% B.P	29054400	38246000	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UD, UDDB thấp hơn
75	Hỗn hợp dung môi hydrocacbon C6, có chứa khối lượng lớn là n-hexan	29011000	27101270	Khai báo thành n-hexan tinh khiết và mặt hàng nhập khẩu là "Hỗn hợp dung môi hydrocacbon C6, có chứa khối lượng lớn là n-hexan" nhưng khai báo là N-hexa Chương 29 để hưởng thuế suất thấp
76	Dung môi làm nguyên liệu pha chế các sản phẩm hóa chất...	29141200 29023000 29141100	38140000	Khai vào mã đơn chất để hưởng mức thuế suất ưu đãi 0%
77	BUTYL ACETATE C6H12O2, dùng trong ngành sơn	29153300	38140000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số thấp Mặt hàng có thể không phải là hợp chất hóa học đã được xác định về mặt hóa học riêng biệt mà là hỗn hợp các dung môi dùng trong ngành sơn
78	Mixed Solvent (Butyl Acetate: C6H12O2) dùng trong ngành gỗ	29153300	38140000	Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp dung môi hữu cơ gồm: Acetone, 2- butanone, ethyl acetate... Thực tế với tên tiếng Anh "Mixed Solvent" cũng có thể đánh giá khả năng mặt hàng là Hỗn hợp dung môi Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
79	Axit stearic	29157020	38231100	Mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng, cụ thể mặt hàng là chế phẩm axit béo công nghiệp nhưng doanh nghiệp khai báo là hợp chất hóa học đã được xác định về mặt hóa học riêng biệt
80	PK-4910N (TP chính: H2NCH2CH2OH; Na2B4O7 10H2O; HN(CH2CH2OH)2) (làm NLSX hóa chất xử lý bề mặt kim loại)	29221990	34029019	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm làm sạch dạng lỏng, thành phần chính gồm hỗn hợp hoạt động bề mặt dạng anion và cation, natri borat, kali phosphat, dietanolamin... trong nước

81	Chất nhũ hóa (Chất phụ gia nhựa đường Polymer với amin và các nhóm hydroxyl)TELCODINAC MAC	29225090	39119000	Không khai bản chất hàng hoá để hưởng thuế suất thấp
82	Hợp chất Diphenyl Methane Diisocyanate MDI MILLIONATE	29291010	39093100	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UD, UDDB thấp hơn
83	Hóa chất Ethylarsonous dichloride (ED), hàng mới 100%	29319090	32091090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chất phủ từ polyme acrylic trong môi trường nước Thành phần gồm: Poly(butyl acrylate), isopropyl alcohol, butoxyethanol, acrylic acid butyl ester,... trong nước Hàm lượng rắn là 6485%
84	Levofloxacin Hemihydrate	29419000	29349990	Mặt hàng dễ lẫn về mặt phân loại giữa nhóm kháng sinh và nhóm hóa chất hữu cơ fluoroquinolon, nhằm hưởng mức thuế suất thấp
85	Nguyên liệu sản xuất tân dược OFLOXACIN USP 36	29419000	29349990	Mặt hàng dễ lẫn về mặt phân loại giữa nhóm kháng sinh và nhóm hóa chất hữu cơ, nhằm hưởng mức thuế suất thấp
86	Thuốc kháng sinh Doxyvet-200 WSP chứa Doxycycline hyclate trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên vật nuôi dạng uống hoặc trộn với thức ăn...	30042079 30042099	30042071	DN không khai thành phần (không khai loại kháng sinh); không khai báo cách thức sử dụng hoặc khai báo sai cách thức sử dụng
87	Viên đặt âm đạo, Viên đặt âm đạo NO-BACTORBULLET/LUBULLET	30042099 90189090	33049990	Khai báo công dụng không đúng của hàng NK (DN khai báo là viên đặt âm đạo để điều trị nhiễm khuẩn tuy nhiên thực tế là Viên đặt âm đạo có công dụng bảo vệ và làm dịu viêm mạc âm đạo)
88	Mỹ phẩm cho da	30049099	33049990	Khai báo sai chủng loại hàng hóa là thuốc trong khi bản chất hàng hóa là Chất làm đầy da (Restylane); Kem hỗ trợ chức năng bảo vệ da, gel làm giảm sẹo nhằm hưởng chênh lệch mức thuế suất
89	Phân bón	31059000 31051090	31051020 31052000	Khai sai nguồn gốc phân bón để hưởng thuế suất thấp
90	CHẾ PHẨM THUỐC MÀU HỮU CƠ (PIGMENTS) DẠNG LỎNG	32041710 32041790	32129019	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Thuốc màu được phân tán trong môi trường không có nước, dùng để sản xuất sơn, mực in thành phần chính là phức azo với crom, ở dạng lỏng
91	Màu nước hữu cơ	32041900	32159090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là mực in

92	Chất tăng đặc VC-30 ALKALINEINC VISE AGENT	32041900	39069020	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Polyme Acrylic dạng nguyên sinh, phân tán trong môi trường nước
93	Chất khử bọt NSDF Defoamer	32041900	27101989	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm có chứa dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ thuộc phân đoạn dầu trung(>70%) và chất hoạt động bề mặt
94	Chất khử bọt NSDF Defoamer	32042000	27101989	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm có chứa dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ thuộc phân đoạn dầu trung(>70%) và chất hoạt động bề mặt
95	Chất khử bọt NSDF DEFOAMER	32042000	39119000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Polyaminobismaleimide dạng phân tán
96	Thuốc màu các loại	32049000 32064990	32129029 32089090 32099000	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
97	Bột Oxit Sắt màu đen dùng để tạo màu trong sản xuất ngói	32064910	28211000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Qua kiểm tra tài liệu kỹ thuật DN cung cấp cho thấy mặt hàng là Oxit Sắt dạng bột, hàm lượng Oxit Sắt quy đổi theo Fe2O3 trên 70% tính theo trọng lượng
98	Thuốc màu	32071000	32151900	Khai không đúng chủng loại hàng hóa nhằm hưởng thuế suất ưu đãi thấp Hàng hóa thực tế là mực in màu
99	Phôi liệu men kính sử dụng trong sản xuất gốm sứ ENGOBE GLAZE CODE BF-003 Mới 100%	32072010	25070000	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
100	Men lót, dùng trong sản xuất gạch men	32072090	25070000	Bản chấp mặt hàng là cao lanh, đất sét cao lanh Doanh nghiệp khai sai tên hàng nhằm hưởng mã số thấp
101	Bột men Glaze S200 - dùng sản xuất men Frit	32072090	25291010 25291090	Doanh nghiệp khai sai tên hàng nhằm hưởng mã số thấp
102	Mực dùng trong ngành công nghiệp thủy tinh, thành phần chính gồm titan dioxit, silic oxit, este của a xít béo, cồn béo	32072090	32159090	Khai báo sai bản chất của hàng hóa thành men màu in chai thủy tinh, mã số 32072090 nhằm hưởng mức thuế suất thấp
103	Sơn chống thấm nước từ polyvinyl dùng trong xây dựng (20 lít/ thùng), hiệu chữ Trung Quốc, mới 100%	32082040	32091090	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn

Handwritten mark

104	BARRIER BASECOAT FOR OUTDOOR (Sơn đã phân tán trong môi trường không chứa nước)	32089090	32091010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Vecni làm từ polyacrylate trong môi trường nước
105	CLEAR ACRYLIC TOPCOAT (Sơn đã phân tán trong môi trường không chứa nước)	32089090	32082090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Vecni làm từ polyacrylate trong dung môi hữu cơ
106	Sơn chống ăn mòn bằng polyme tổng hợp	32099000	32091090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Bản chất là sơn từ polyme acrylic hoặc polyme vinyl
107	Sơn chống cháy bằng polyme tổng hợp	32099000	32091090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Bản chất là sơn từ polyme acrylic hoặc polyme vinyl
108	Sơn chống thấm bằng polyme tổng hợp	32099000	32091090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Bản chất là sơn từ polyme acrylic hoặc polyme vinyl
109	Sơn giả gỗ bằng polyme tổng hợp	32099000	32091090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Bản chất là sơn từ polyme acrylic hoặc polyme vinyl
110	Sơn nước bằng polyme tổng hợp MAXILITE	32099000	32091090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Bản chất là sơn từ polyme acrylic hoặc polyme vinyl
111	Bán thành phẩm của sơn	32129019	3208 3209 3210	DN khai sai mã số nhằm hưởng mã số thấp Mặt hàng Bán thành phẩm của sơn có thể phân loại tại 3 nhóm 3208, 3209 và 3210
112	GLAZE STAIN-SCARLET Chế phẩm màu phân tán trong môi trường không chứa nước dùng trong sản xuất sơn)	32129019	32100099	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Sơn dầu mau khô, thành phần gồm dầu lanh, chất màu, dung môi hữu cơ, naphthalene, isodurene, ethyl xylene, mesitylene, ..., dạng lỏng
113	Thuốc màu phân tán trong môi trường không chứa nước dạng lỏng dùng trong sản xuất sơn, thành phần chính gồm có màu hữu cơ, từ nhựa Alkyt, Methoxypropyl acetat...	32129019	32082090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bán thành phẩm của sơn, thành phần gồm: Polyme acrylic, phân tán trong xylene, etylbenzen, butylacetat, ethoxyetyl axetat; dạng lỏng
114	Mặt hàng chất màu hữu cơ dạng lỏng	32041190	32129019 32129029 32081090 32082090 32089090 32151190 32151900 32159090 38140000	Đây là mặt hàng khó xác định về mã số. Doanh nghiệp để lợi dụng để khai sai mã số, thuế suất thuế nhập khẩu. Cơ quan Hải quan để nhằm lẫn trong việc kiểm tra, phân loại áp mã hàng hóa

Handwritten signature

115	Keo dán kính	32141000 39100090	35061000	Mặt hàng bán chất là keo dán kính, DN khai báo vào chương 32 và 39 nhằm hưởng thuế suất thấp hơn
116	Mực in mã vạch được cuộn tròn	32151190	96121090	Khai không đúng bán chất hàng hóa là cuộn ruy băng
117	Gel làm bóng muối tắm chanh (mỹ phẩm)	33019090	33073000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
118	Hương liệu thực phẩm	33021010 33021020 33021090 33029000	19019031 17023010	Bán chất hoàng hóa là sản phẩm từ sữa, hoặc đường Glucoza
119	Dung dịch làm sạch da Skin Freshener	33049990	34013000	Khai báo sai mã số HS để được hưởng mức thuế suất thấp hơn.
120	Mặt hàng Gel làm sạch da.	33049990	34013000	Khai sai mã số
121	Mặt hàng sữa tắm, dầu gội toàn thân	33073000	34013000	Khai sai mã số
122	Các chế phẩm dùng để làm thơm hoặc khử mùi phòng	33079090	33074910	Khai sai mục đích sử dụng (dùng cho ô tô, phòng tắm) nhằm hưởng mức thuế suất thấp
123	Mặt hàng Sữa rửa tay, Dial - Dial Gold Antibacterial Hand Soap with Moisturizer 12/7.5oz; Sữa rửa tay dưỡng ẩm Dial - Dial Cherry Blossom & Almond Hand Soap with Moisturizer 12/7.5oz	34012099	34013000	Khai sai mã số
124	Mặt hàng nước rửa tay khô dạng gel: Nước rửa tay khô chứa chất dưỡng ẩm & Vitamin E giúp bảo vệ da tay 60 x 55 ml - Lifebuoy Hand Sanitizer With Moisturisers & Vitamin E 60 x 55ml,	34012099	34013000	Khai sai mã số
125	Xà phòng tắm, xà phòng giặt dạng cục	34022015 34022095	34011140 34011150 34011990	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
126	Chất hoạt động bề mặt (Permethyl 99A)	34029019	27101260	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bán chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dung môi có hàm lượng cấu thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng gồm có 2,2,7,7-Tetramethyloctane ~77,12%; 2,2,4,4,-Tetramethyloctane ~16,41%;Farmesan; 2,6,6-Trimethyldecane dạng lỏng
127	Chất tẩy rửa khuôn sứ (Alkaline Cleaner, CE AC3)	34029099	34029013	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bán chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm làm sạch có thành phần từ natri hypoclorit, chất hoạt động bề mặt dạng anion..., ở dạng lỏng

128	Chất tẩy rửa khuôn sứ (Alkaline Cleaner, CE AC3)	34029099	34029013	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm làm sạch có thành phần từ natri hypoclorit, chất hoạt động bề mặt dạng anion..., ở dạng lỏng
129	Chất bôi trơn dạng bình xịt	34039990 27101943 27101944	34039919 34031990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
130	Chế phẩm bôi trơn sợi thép các loại (VICAFIL TCU 515)	34031990	34031919	Không khai báo dạng lỏng để hưởng thuế suất thấp hơn tại mã số 34031990
131	Dầu bôi trơn (LUBLIGHT #FX-1808) -01 cái /01 thùng, 01 thùng=200kg Hàng mới 100%	34039912	34039919	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm bôi trơn không chứa dầu khoáng, không chứa dầu silicon, dạng lỏng
132	Chất bôi trơn dạng lỏng	34031919 34039990 27101943	34039919	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
133	POLYETHYLENE VESTOPLAST 608 (Sáp nhân tạo từ Polyethylene, dạng bột)	34049090	35069100	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (3%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (14%) để gian lận thuế
134	Keo Tobacol	35019020	35069100	Bản chất mặt hàng là kẹo Tobacol, DN khai báo là kẹo casein nhằm hưởng thuế suất thấp tại mã số 35019020
135	Tinh bột	35051010 35051090 38091000	11081100 11081200 11081300 11081400 11081990 19011092 19011099 19012010 19012020 19019019 19019099	Khai báo là tinh bột biến tính, chế phẩm dựa trên thành phần cơ bản là tinh bột để giảm thuế suất
136	Tinh bột sắn đã nung, sấy khô dùng sản xuất keo để dán bìa carton	35051010	35052000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn.
137	Các mặt hàng thành phẩm từ graphit	38019000	68151099	Doanh nghiệp khai theo chất liệu dẫn đến sai mã số
138	FEED CURB FS DRY - Chế phẩm khử trùng, diệt nấm mốc bổ sung trong TĂCN	38089490	38089290	Khai báo sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp Hàng hóa là chế phẩm chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi
139	Chế phẩm làm mềm vải dùng sản xuất chất xử lý bề mặt TG-5672	38099110	32091090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chất phủ từ Copolyme Flouroakyl acrylate phân tán trong nước

140	Dầu khoáng và sáp amit, được sử dụng làm chất phá bọt trong công nghiệp	38099190	27101990	DN không khai báo hàm lượng dầu khoáng. Trên thực tế mặt hàng chứa 70% là dầu khoáng. Khai sai nhằm hưởng thuế suất thấp.
141	Chế phẩm hoạt động bề mặt không phân ly, dạng lỏng	38099190	34029019	Khai báo sai đặc điểm, mục đích sử dụng là chất phụ gia, chất hoàn tất vải nhằm hưởng thuế suất thấp,
142	Tác nhân làm mềm	38099190	38099110	Khai báo sai tên hàng, chủng loại với chất hoàn tất dùng trong ngành dệt
143	Extra soft (nước xả thơm làm mềm vải GMP 251E)	38099190	38099110	Mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng nhằm hưởng thuế suất thấp
144	Polyme acrylic dạng nguyên sinh: -loại khác; --- dạng phân tích	38099190	39069020	Khai báo chất hoàn tất, tuy nhiên thành phần của sản phẩm là polyme acrylic phân tán trong môi trường nước
145	Chất trợ sử dụng trong ngành dệt nhuộm	38099190	34029019	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm hoạt động bề mặt dạng anion và không phân ly, ở dạng lỏng
146	Hóa chất sử dụng trong ngành sản xuất giấy - Chế phẩm làm tăng độ bền của giấy- HERCOBOND 1200	38099200	39069099	Thực tế Mặt hàng là Copolyme acrylamide hòa tan trong môi trường nước, dạng lỏng Không khai báo bản chất hàng hóa, chỉ khai báo mục đích sử dụng
147	Chất làm tăng cường độ bóc tách, bảo vệ lô sấy giấy, dạng lỏng - RELEASE - hàng mới 100%	38099200	27101990	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ, thuộc phân đoạn dầu nặng dùng để pha chế và kết hợp các hóa chất khác trong công đoạn sản xuất giấy vệ sinh
148	Chất làm sạch mền ép bột giấy, dạng lỏng- Felt Cleaner	38099200	34029019	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm làm sạch, dạng lỏng, có chứa chất hoạt động bề mặt nonionic, este của axit phosphoric... nước
149	Chất phủ tạo đồng (WF-78-123)	38099300	32091090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chất phủ đi từ polyme acrylate, phân tán trong môi trường nước
150	Chất chống xù lông trong quá trình nhuộm Velvetal V-1471	38099190	34029019	Doanh nghiệp khai báo theo công dụng, không khai theo bản chất hàng hóa
151	Chất hỗ trợ thấm thấu trong quá trình nhuộm Phobol extender xan	38099190	39095000	Doanh nghiệp khai báo theo công dụng, không khai theo bản chất hàng hóa
152	Chế phẩm làm sạch có hoặc không chứa chất hoạt động bề mặt	38101000	34029019 34029099	Khai báo là chất làm sạch bề mặt kim loại để hưởng mức thuế suất thấp

Handwritten mark

153	Thuốc hàn SSF-38 Mới 100%	38101000	38109000	Bản chất mặt hàng là chế phẩm trợ hàn, dạng hạt DN khai chung là thuốc hàn, không khai ở dạng gì để hưởng thuế suất thấp
154	Chất hoạt động bề mặt, chế phẩm tẩy sạch cho bề mặt kim loại	38101000	Nhóm 3402	Khai báo sai tính chất hàng hoá để hưởng thuế suất thấp
155	Thuốc hàn Flux SJ 301, Flux F.183, Flux SJ501T, Flux HJ 431, Flux F.7A2, SJ301, HJ431, SJ501	38101000	38109000	DN khai chung là thuốc hàn, không khai ở dạng gì để hưởng thuế suất thấp Bản chất mặt hàng là chế phẩm trợ hàn, dạng hạt
156	Chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại dạng lỏng K-0307, 20kg/hộp	38101000	34029019	Khai báo sai tính chất hàng hoá. Hàng hóa là chế phẩm làm sạch, tẩy nhờn chứa chất hoạt động bề mặt nonionic, chưa được đóng gói bán lẻ, dạng lỏng
157	Chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại (Potassium Citrate	38101000	29181590	Khai vào mã chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại: bột và bột nhão gồm kim loại và các vật liệu khác dùng để hàn thiếc, hàn hơi hoặc hàn điện để hưởng mức thuế suất thấp
158	Metal Surface Additive SN-503C, dạng nhão làm láng mịn bề mặt kim loại	38101000	34039912	Khai sai bản chất hàng hóa để áp mã số có thuế suất thấp
159	Chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại trước khi phun sơn Metal Surface Additive 7020	38101000	34029013	Khai sai bản chất hàng hóa để áp mã số có thuế suất thấp
160	Chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại (DEGREASING POWDER CP-10)	38101000	34029093	Khai sai bản chất mặt hàng từ chế phẩm làm sạch tẩy nhờn sang chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại để hưởng thuế suất thấp hơn
161	Chì giúp chảy, dùng để hàn điện các đầu nối dây dẫn, linh kiện điện tử trong sản xuất máy giặt tủ lạnh. Model: SOLDER -BAR SOLDER, Mới 100%	38109000	83113099	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhằm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
162	NALCO 3236 Chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất dạng lỏng.	38119090	28092099	Không khai bản chất hàng hoá là Dung dịch axit phosphonic hàm lượng >83% theo khối lượng
163	Chất xúc tác, xúc tiến lưu hóa cao su	38121000	27101990	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm dầu khoáng thuộc phân đoạn dầu nặng, hàm lượng khoáng lớn hơn 70%
164	Chất chống tạo bọt (Antifoam compound)	38123100 38123900	27101989	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm dầu trung, chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ, chưng cất ở 2100C thu được 88%, chưng cất ở 2500C thu được 90%, dùng làm chất phá bọt trong công nghiệp

165	Dung dịch làm đặc (Thickener)	38123100 38123900	39069020	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Polyacrylat dạng nguyên sinh, ở dạng phân tán trong nước
166	Dung dịch chống oxy hóa (Butyl Zimate)	38123100 38123900	29302000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Kẽm dibutyl dithiocarbamate
167	Chất phụ gia (nguyên liệu dùng sx hạt nhựa)	38123900	39033060	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Copolyme acrylonitril - butadienne - styrene, dạng hạt
168	Dung dịch polyurethan trong dung môi hữu cơ, hàm lượng dung môi trên 50% trọng lượng dung dịch	38140000	32089090	DN khai sai mã số nhằm hưởng mã số thấp
169	Xi măng chịu lửa CA50	38160010	25233000	Bản chất là xi măng cao nhôm (CA50 không có tính chịu lửa)
170	Xi măng chịu lửa (độ chịu lửa dưới 1500 độ C)	38160010	25239000 25233000	Doanh nghiệp lợi dụng trong việc xác định độ chịu lửa để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
171	Hóa chất cơ bản làm sạch bề mặt thiếc tannous methanesulf onate	38249100	29041000	Khai sai mã số HS, làm giảm thuế suất
172	Biscuimul 41/554	38249970	21069091	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp hóa chất với chất thực phẩm có giá trị dinh dưỡng, dùng trong chế biến thực phẩm
173	Chế phẩm dùng trong xi mạ Zinc Additive ZN-015	38249999	34029019	Khai sai bản chất hàng hóa để áp mã số có thuế suất thấp
174	Bột canxi carbonate CaCO3	38249999	28365010 28365090	Khai là Bột carbonat canxi đã tráng phủ axit béo để hưởng chênh lệch thuế suất thấp
175	Chất khử bột CY-VAF2150, thành phần (C2H6OSi)n	38249999	34029019	Khai báo sai đặc điểm hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp tại mã số 38249999 (thực tế tên hàng là chế phẩm hoạt động bề mặt ở dạng lỏng)
176	Chất đóng rắn dùng cho sơn	38249999	39119000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
177	Chế phẩm hóa học dùng làm chất kết đông trong quá trình tuyển nổi quặng magnafloc I425	38249999	39119000	Mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng
178	Polyme trong dung môi hữu cơ hàm lượng dung môi >50%	3901 đến 3913	32081090 32082090 32089090	DN khai sai mã số thuộc chương 39 nhằm hưởng mã số thấp
179	Phế liệu, phế thải và mẩu vụn, từ plastic khác	3905 đến 3911	39159000	Mặt hàng bản chất là phế liệu phế thải, DN khai báo là polyme dạng nguyên sinh để hưởng thuế suất thấp,

[Handwritten signature]

180	Nhựa amino dạng nguyên sinh	39093999	39091010	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
181	Nguyên liệu dùng sản xuất sơn PU cho gỗ (Amino Resin 312-X-70)	39093999	39092090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
182	Phế liệu, phế thải và mẫu vụn, từ polyme etylen, không xếp	39019090	39151090	Mặt hàng bản chất là phế liệu phế thải, DN khai báo là polyme dạng nguyên sinh để hưởng thuế suất thấp,
183	POLYPROPYLENE(B-207LB) DẠNG LÔNG	39021090 39061090	39069099	Mặt hàng có bản chất là Copolyme methyl methacrylat-butyl acrylat nguyên sinh, ở dạng lông, trong đó methyl methacrylat chiếm tỷ trọng cao hơn
184	POLYPROPYLENE(B-509) DẠNG MẢNH	39021090	38069090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dẫn xuất của colophan, ở dạng mảnh
185	Nhựa PP (nguyên sinh, dạng hạt)	39021090	39033060	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Copolyme acrylonitril-butadien-styren, dạng hạt
186	POLYPROPYLENE ĐÃ CLO HÓA DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT MỰC IN -B-808 DẠNG BỘT	39029010	39119000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Polyketone, dạng hạt
187	CHẾ PHẨM THUỐC MÀU HỮU CƠ (D-154#)DẠNG BỘT	39029010	32129011	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột nhôm phân tán trong dung môi 2-methyl-3-ethylheptane, decane, nonane,... dạng nhão
188	Hạt nhựa Polypropylene Copolymer GRANULE GR-20 N0443, dạng nguyên sinh	39029090	39021090	Khai không đầy đủ thành phần để hưởng thuế suất thấp
189	Hạt nhựa ABS nhập khẩu	39033060	39033090	DN khai báo mặt hàng ở dạng hạt nhằm hưởng thuế suất thấp,
190	Phế liệu, phế thải và mẫu vụn, từ polyme styren, không xếp	39039099	39152090	Mặt hàng bản chất là phế liệu phế thải, DN khai báo là polyme dạng nguyên sinh để hưởng thuế suất thấp,
191	Nhựa PVC Resin (SWDY-PVC-50) dạng bột có chứa chất hóa dẻo dùng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa	39042290	39042230	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UE, UEĐB thấp hơn
192	Nắp dây nylon chữ P dùng làm cửa	39041099	39259000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
193	Polyme acrylic dạng nguyên sinh - ACRYLIC RESIN PC190, hàng mới 100%	39069099	32082090	Doanh nghiệp khai sai bản chất hàng hóa để áp mã số có thuế suất thấp

194	TEGOSTAB B 80002	39072090	34021390	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chất hoạt động bề mặt dạng không phân ly (non-ionic), dạng lỏng, từ polyether polysiloxane
195	Polyether polyol nguyên sinh-AQUALOC LA110Nguyên liệu dùng cho ngành xây dựng	39072090	38244000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Phụ gia dùng cho xi măng, vữa hoặc bê tông
196	Polyete Polyol, Polyisocyanate dạng nguyên sinh	39072090	39095000	Khai báo là Polyete nguyên sinh để hưởng thuế suất thấp hơn, thực tế là Tiền polyurethan dạng nguyên sinh có thành phần chính là polyether
197	Nhựa epoxy dạng lỏng dùng trong hóa chất xây dựng - Masterseal	39073030	32089090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chất phủ từ nhựa epoxit hai thành phần, dạng lỏng
198	Poly (etylen terephthalat), dạng phân tán	39076990	39076100 39076910	Doanh nghiệp không khai chi số độ nhớt hay khai sai dạng để hưởng thuế suất thấp
199	Polyester no nguyên sinh, dạng lỏng. Nguyên liệu dùng trong sản xuất sơn	39079990	39075010	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (0%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (3%) để gian lận thuế
200	Nhựa alkyd trong dung môi hữu cơ, dùng sản xuất sơn	39075010	39069099	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Copolymer Styren-acrylic, trong hỗn hợp dung môi Xylen; Methoxy 2-propyl acetat; Toluen; ethyl benzen, dạng lỏng
201	Nhựa polyete (Stepanpol RPPG004), Mối 100%	39079990	39079130	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Polyester polyol chưa no nguyên sinh, dạng lỏng
202	Chất kết dính từ nhựa Urea Formaldehyde dạng bột, dùng trong sản xuất	39091090	35069100	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
203	Nhựa amino khác	39093999	39093100	Doanh nghiệp khai không đầy đủ để khai thuế suất thấp
204	POLYURETHANE B-806LB DẠNG LỎNG	39095000	32089090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dung dịch nhựa dạng lỏng, trong đó trọng lượng dung môi chiếm trên 50% về trọng lượng trong toàn dung dịch, thỏa mãn Chú giải 4 Chương 32

205	Silicone nguyên sinh dạng lỏng MAGNASOFT 590/DR/120KG	39100020	38099110	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm làm mềm vải dùng trong ngành dệt, thành phần gồm Poly(dimethyl siloxane), hoạt động bề mặt không phân ly, trong môi trường nước, hàm lượng rắn > 50%
206	Silicon dạng nguyên sinh MR-14 (Chất chống kết dính)	39100090	34039990	Khai báo sai tên hàng mặt hàng là Chế phẩm tách khuôn đúc có thành phần chính là các hợp chất silicon, axit stearic, axit palmatic, dạng nhão
207	Nhựa tăng độ dính - Super Ester	39139090	38069090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dẫn xuất của rosin, dạng mảnh
208	Nhựa tổng hợp (Synthetic Resin)	39139090	39094090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Nhựa phenolic nguyên sinh, dạng mảnh
209	Nhựa phế liệu đã qua sử dụng ở các dạng: khối, cục, thanh, dây, băng, nẹp	39159000	39152090	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UE, UEĐB thấp hơn
210	Sợi monofilament	39169091	39169080	Doanh nghiệp khai không đúng bản chất hàng hóa để áp mã số có thuế suất thấp
211	Nắp nhựa (dùng cho bể bơi)	39174000	39229090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
212	Ống nối xi bết bằng nhựa màu đen	39174000	39229090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
213	Tấm xốp dán tường 3D	39189099	68101910	Khai sai đặc điểm hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp hơn
214	Băng keo	39199099	39191099	Danh nghiệp không khai báo kích cỡ, dạng cuộn hay tấm để áp mã số loại khác nhằm hưởng mức thuế suất thấp
215	Băng dính cách điện dạng cuộn, khổ 5cm, không hiệu, mới 100%	39199099	39191099	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
216	Màng nhựa tự dính một mặt, có in hình KT (50x80)cm+-5cm	39199099	49119139	Khai báo sai đặc điểm hàng hóa: Sản phẩm in trên màng nhựa polyvinyl clorua tự dính, ở dạng miếng, có thể ghép thành bức tranh, ảnh hoàn chỉnh
217	Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính...bằng polyetylen	39199091 39199092 39199099	39191020	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
218	Nhãn thân Beck's Ice bằng nhựa PET để dán thân chai bia, có in nội dung.	39199099	49119990	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp

219	Màng nhựa PE không xốp đã qua sử dụng, vẫn còn giá trị sử dụng, dùng trong nông nghiệp	39201090	39151090 39152090	Mặt hàng bản chất là phế liệu nhựa được thu gom tại các nhà máy sau quá trình sản xuất, nhiễm bẩn, chưa được làm sạch, dạng cuộn hoặc tấm, doanh nghiệp khai sai tên hàng và mã số để nhập khẩu phế liệu thuộc diện phải có giấy phép và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn
220	Sợi ruy băng (dùng trang trí trong tiệc Giáng sinh)	39206910 39206990	58089090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
221	Vòi nước có núm vặn bằng nhựa và sắt mạ	39229090	84818063	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
222	Dải mút xốp tự dính từ nhựa Polyurethan dùng làm đệm giảm chấn	39211391 39211392 39211399	39199091 39199092 39199099	Mặt hàng là Dải nhựa tự dính DN khai báo vào mặt hàng dải nhựa không tự dính nhằm hưởng thuế suất thấp
223	Giăng nhựa (dải nhựa) dùng để chèn cửa	39219090 39209910 39269099 39219030	39161020	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
224	Màng nhựa dùng trong đóng gói kẹo	39219090	48119049	Mặt hàng là Giấy phức hợp đã in, dạng cuộn, chiều rộng 114cm, định lượng tổng 866g/m ² , định lượng lớp giấy 49,4g/m ² , cấu tạo giấy gồm lớp giấy có thành phần từ bột giấy tẩy trắng, đã được tráng phủ lớp cao lanh, đã in hình, in chữ "Alpenliebe 2 Chew, kẹo mềm hương nho", mặt sau được phủ lớp nhôm mỏng, công dụng dùng để gói kẹo
225	Tấm nhựa PU; P.U giả da, dạng cuộn, dùng để làm phụ liệu giày, túi, cặp.	39211391	59032000	Khai sai tên hàng, mã số, bản chất hàng hóa ảnh hưởng đến việc so sánh giá khai báo. Mặt hàng tấm nhựa PU giả da có đặc điểm cấu tạo giống mặt hàng vải giả da đều được tráng phủ lớp PU giả da trên nền vật liệu dệt hoặc không dệt nhưng mặt hàng tấm nhựa PU giả da có mã phân loại 3921.13.91, mặt hàng vải giả da có mã phân loại 5903.20.00.
226	Miếng đệm cách nhiệt bằng sợi nhựa lưu hóa	39219010	39269099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
227	Thùng nhựa plastic cách nhiệt có nắp loại trên 300 lít (dùng bảo quản thủy sản)	39231090	39251000	Khai báo sai tên hàng nhằm hưởng thuế suất thấp
228	Ly nhựa	39231090	39249090	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
229	Túi treo trang trí bằng nhựa	39232990	39264000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
230	Chai nhựa dùng để đựng nước uống, dung tích 750ml, đường kính 10x25cm, có dán hình khủng long(Jurassic world).	39233090	39249090	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (15%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (22%) để gian lận thuế

Handwritten mark

231	Nắp nhựa - đi cùng bộ với ly nhựa	39235000	39249090	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
232	Bồn lọc cát đường kính 600mm, bằng nhựa (có nắp đáy kích thước 1.5 inch)	39249090	39229090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
233	Nút nhấn hơi bằng nhựa	39249090 39269099	39229090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
234	Con lăn bằng nhựa	39259000	96034000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
235	Đệm khóa	39259000	83016000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
236	Cục nhựa gắn trong bánh xe cửa lùa	39263000	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
237	Cục nhựa chặn khóa cửa	39263000	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
238	Cây cảnh trang trí bằng điện	39264000	67021000	Khai báo sai chủng loại với Cây cảnh bằng nhựa có đèn trang trí, mã số 39264000
240	Đệm nhựa làm kín (vật tư dự phòng kèm theo trạm bơm dung dịch nhũ hóa BRW200/31.5). Hàng mới 100% do TQSX	39269049	39174000	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
241	Đồ chơi hình năng lượng mặt trời	39264000	95030099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
242	Bảng tải vận chuyển clinker, than cám trong nhà máy xi măng	39269053	40101200	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
243	Nhãn nhựa, dùng làm tem nhãn dán vào dây điện	39269059	49089000	Khai sai tên hàng, mã số để hưởng mức thuế suất thấp
244	Máng cáp điện máy khoan CNC (doanh nghiệp khai báo là cuộn dây kéo bằng nhựa dài 12m, chứa dây điện của máy khoan CNC)	39269059	39259000	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
245	Tấm polypropylene được dùng để thấm hóa chất các loại	39269059	56031400	Khai sai bản chất hàng hóa để áp mã số có thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
246	Tấm polypropylene được dùng để thấm hóa chất	39269059	56031400	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
247	Vòng nhựa che ổ bi	39269059	39269099	DN khai sai mã số
248	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic...	39269099	39239090	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
249	Chớp cửa bằng nhựa	39269099	39253000	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
250	Nhãn nhựa	39269099	49089000	DN thường áp sản phẩm nhựa nhưng nhãn nhựa thường là decan
251	Túi xách bằng nhựa	39269099	42021299	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt
252	Thanh nối cửa đi lùa bằng nhựa	39269099	39252000 39253000	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp

253	Thanh nhựa (plastic) giữ chóp bằng nhựa, dùng cho cửa sổ bật	39269099	39252000 39253000	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
254	Ke góc cho cửa, tay nắm gat, chốt đệm gioăng các loại bằng plastic	39269099	39252000 39253000	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
255	Cục đệm bằng nhựa	39269099	39259000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Mã 39259099 có thuế suất cao hơn
256	Bìa kẹp tài liệu, chất liệu nhựa giả da	39269099	39261000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
257	Gioăng lông cửa bằng nhựa tổng hợp	39269099	39259000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
258	Nắp bịt đồ động bằng nhựa	39269099	39259000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
259	Nắp bịt ngưỡng nhôm cánh bằng nhựa	39269099	39259000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
260	Tập kẹp thực đơn bằng nhựa (menu holder)	39269099	39261000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
261	Thảm trải sàn bằng nhựa	39269099	39181019	DN khai báo sai mã để hưởng thuế suất thấp hơn
262	Thảm tập Yoga bằng nhựa Polymer	39269099	39189099	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn
263	Thảm trải sàn - Gerflor Streamo Seacrosser	39269099	39189099	Khai báo tên hàng không rõ ràng rồi áp mã có TS thấp hơn
264	Tấm thu đáy bể bơi bằng nhựa các loại	39269099	39229090	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UE, UĐDB thấp hơn
265	Hộp (dạng Tủ) đựng đồ dùng trong văn phòng bằng nhựa	39249090	39261000	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
266	Bùi nhùi bằng nhựa dùng làm bông tắm	39269099	39249090	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
267	Khay nhựa dùng làm giá để cốc	39269099	39241090	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
268	Móc treo quần áo bằng nhựa, dài 50+-10cm, loại không đóng lên tường	39269099	39249090	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
269	Cúc áo bằng composite	39269099	39262090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
270	Khay nhựa rửa chén bát/muỗng nĩa/đĩa chuyên dụng (linh kiện của máy rửa chén bát công nghiệp)	39269099	39241090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
271	Van nước bằng nhựa	39269099	84818063	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
272	Cây sùi kính bằng nhựa	39269099	82055900	DN khai sai mã số
273	Nút nhấn tay báo cháy	39269099 85365051	39259000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

Handwritten mark

274	Ví tiền nữ bằng nhựa giả da, kết hợp vật liệu nhựa (trang trí)	39269099	42029290	DN khai sai mã số
275	Polyme polyisocyanat, polyol (chất đóng rắn), polyether (nhựa epoxy) dạng lỏng, dạng nhão, dung dịch chứa các polyme, hàm lượng dung môi dưới 50% thuộc chương 39 - hỗn hợp các khoáng chất vô cơ	Chương 39, Chương 25, 38249999	32089090	Khai báo riêng lẻ các hóa chất, lợi dụng mặt hàng khó xác định thành phần, bản chất thực tế là bộ sản phẩm chất phủ nhiều thành phần chỉ cần trộn với nhau là thành sản phẩm hoàn chỉnh
276	Cao su tổng hợp Butadiene Rubber B-65HA (BLK)	40022090	40051090	Mặt hàng là Hỗn hợp cao su isobutylene-isopren, muối carbon và oxit silic nhưng khai báo là cao su tổng hợp nhằm hưởng thuế suất thấp
277	Cao su BUTYL	40023110	40059190	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp cao su chưa lưu hóa với chất độn vô cơ, chất màu và phụ gia, dạng tấm
278	Miếng cao su EPDM dùng cho ô tô dùng làm đệm giảm chấn)	40027090	40081900	Khai báo vào mặt hàng cao su tổng hợp nhằm hưởng thuế suất thấp
279	Hạt nhựa TPR(TPR RESIN)(Dạng nguyên sinh)-NPL sản xuất phụ tùng xe đạp	40029990	40059990	Mặt hàng là Cao su hỗn hợp, dạng hạt Thành phần gồm có copolyme styren, dầu khoáng, canxi cacbonat Để lẫn giữa mặt hàng cao su tổng hợp và cao su hỗn hợp
280	Thảm trải sàn bằng cao su	40081900	40169190	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
281	Mặt hàng miếng cao su xốp, mục đích sử dụng để ngồi và quỳ khi làm vườn hoặc cắt tỉa cây	40081900	40161090	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
282	Dải cao su không xốp kích thước 2 mm x 1 m x 10 m, màu shiny normal Green	40082190	40169110	Để lẫn với mặt hàng là tấm sản phẩm từ cao su không xốp (màu đen), đã lưu hóa, một mặt đã được phủ plastic (màu xanh lá cây, chiếm ~15% khối lượng), chiều dày 2mm, dạng tấm rộng 1m
283	Băng chuyền, dây curoa bằng cao su có mặt cắt hình thang	40103500	40103100	Lợi dụng mô tả hàng hóa chưa rõ ràng để khai sai bản chất hàng hóa
284	Đai tải bằng truyền (dây curoa) bằng cao su, được gia cố bằng vật liệu dệt, mặt cắt chữ V, chu vi 1800mm, dùng trong dây chuyền sản xuất bột mì, mới 100%	40103900	40103100	Khai báo sai tên hàng, chủng loại để hưởng thuế suất thấp hơn
285	Lốp ô tô dùng cho ô tô tải hiệu JIANXIN TYRE JX289 11R225	40112090	40112010	không khai bản rộng lốp, khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp

286	Săm bánh xe sau của dân cây bằng cao su có đường kính 40 cm	40117000	40139091	DN khai sai mã số
287	Gioăng cửa	40169390	39269099	Khai báo sai chất liệu từ cao su để giảm thuế
288	Miếng dán cao su	40169390	40169999	Khai báo sai chủng loại với miếng đệm, vòng đệm và các miếng đệm chèn khác bằng cao su lưu hóa, trừ cao su cứng, mã số 40169390
289	Khớp nối bằng cao su	40169959	40169999	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
290	Tay nắm xe máy bằng cao su	40169915 40169911 40169912	87141090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
291	Miếng nút ép nhãn bằng cao su, dùng cho máy dán nhãn	40169390 40169959	40161090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
292	Gioăng bằng cao su	40169959 40082900 40169390 84229090	40169999	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
293	Tấm phủ ghế sofa bằng giả da	41151000	94049010	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
294	Hộp đựng bút học sinh vỏ sắt	42023900	83040099	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
295	Thanh đốt từ mùn cưa, nén thành dạng thanh	44013100	44029090	Khai sai về tên hàng, mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
296	Giường, tủ bằng gỗ chưa lắp ráp hoàn chỉnh	44031190	94035000	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp từ 25% xuống còn 0%
297	Gỗ ván sàn bằng gỗ Téch được soi, bào rãnh	44072969	44092200 44092900	Khai báo không đầy đủ mô tả hàng hóa nhập khẩu
298	Ván bằng các vật liệu có chất gỗ khác	44092100	44109000	Khai báo sai chủng loại hàng hóa với Gỗ (kể cả ván) từ tre mã số 44092100
299	CORKBOARD (Ván dăm)	44101100	45041000	Mặt hàng là Tấm lie kết dính
300	Tấm Panen gỗ có lõi xóp dùng xây dựng cửa hàng – LSP PW110 (phụ kiện tháo rời của kệ trưng bày hàng hóa)	44189100 44189910	94038990	Khai báo sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
301	Giấy thấm dầu dùng để cắt chữ cho máy dập ký tự và số stencil oil board	48022090	48116099	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Các tông đã được thấm tấm dầu, dạng tờ
302	Giấy chống dính dạng cuộn khổ 150cm DTP PAPER (100M/CUỘN) Tên thương mại: Transfer paper	48025550	48099090	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp, mặt hàng là Giấy chuyển nhiệt dùng cho máy in nhiệt
303	Giấy không tráng phủ, hàm lượng bột giấy thu được từ quá trình cơ học dưới 10%, dạng cuộn, khổ 125cm, định lượng 71gsm, hàm lượng tro 35.6%, loại dùng để in	48025590	48025569	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp

304	Khăn giấy	48030090	33079030 481830	DN nhầm lẫn bản chất của hàng hóa hoặc khai sai mã HS.
305	Giấy làm từ bột chưa tẩy trắng đã làm chun, chưa thấm tằm, chưa tráng phủ, dạng cuộn khổ rộng 40mm	48043110	48239099	Khai báo sai công dụng của hàng hóa (giấy kraft cách điện) nhằm hưởng thuế suất ưu đãi thấp 5%
306	Giấy lớp mặt không tráng định lượng 140gsm	48052400	48041900	Bản chất mặt hàng là giấy kraft lớp mặt, DN khai là giấy lớp mặt để hưởng thuế suất thấp
307	Giấy lớp mặt không tráng định lượng 170gsm	48052510	48041900	Bản chất mặt hàng là giấy kraft lớp mặt, DN khai là giấy lớp mặt để hưởng thuế suất thấp
308	Giấy làm lớp mặt	48052510	48116091 48116099	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,
309	Giấy Carton lớp mặt được làm chủ yếu từ bột tái chế với các định lượng khác nhau có xuất xứ từ Australia	48052590	48045190	Khai báo sai thành phần, giấy là loại nhiều lớp, được làm chủ yếu từ bột tái chế, có hàm lượng bột giấy sản xuất theo phương pháp sunphat và kiềm lớn hơn 80%, mã số khai báo 4805
310	Giấy không tráng, dạng cuộn, định lượng từ 150gsm trở xuống	48059190	48043990	Bản chất mặt hàng là giấy kraft không tráng, DN khai là giấy không tráng để hưởng thuế suất thấp
311	Giấy không tráng, dùng để bọc cuộn thép không gỉ	48059190	48043990	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
312	Giấy đóng gói dạng cuộn (có định lượng trên 25g/m2 đến dưới 150g/m2)	48059190	48115949	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,
313	Giấy chống ẩm Mousseline	48059190	48025440 48025450 48025490	Khai báo sai bản chất
314	Giấy không tráng, dạng tờ,	48059390	48043190	Bản chất mặt hàng là giấy kraft không tráng, DN khai là giấy không tráng để hưởng thuế suất thấp
315	Các tông làm từ tre, chưa tráng phủ, dạng tờ hình chữ nhật	48059390	48043190	Bản chất mặt hàng là giấy kraft không tráng, DN khai sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
316	Giấy từ bột giấy đã tẩy trắng, một mặt tráng phủ vô cơ, một mặt tráng phủ plastic với bề dày lớp plastic nhỏ hơn 1/2 tổng bề dày, định lượng 258,2 g/m2, dạng cuộn, khổ 43cm dùng trong ngành in	48059390	48115199	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (10%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (15%) để gian lận thuế
317	Giấy đã tạo sóng dạng cuộn, khổ 749 cm - 1499 cm, định lượng từ 150g/m2 trở xuống, nhãn hiệu Medium, chưa đục lỗ	48081000	48044190	Mặt hàng là Bìa giấy kraft chưa tẩy trắng, chưa tráng phủ, chưa thấm tằm, chưa in hay nhuộm màu bề mặt (giấy chưa làm nhãn, làm chun hay tạo sóng) Khai báo vào mặt hàng giấy đã tạo sóng nhằm hưởng thuế suất thấp
318	Giấy in chuyển, dùng để in hoa văn lên vải, dạng cuộn, TRANSFER-PAPER	48101399	48099090	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,

319	Giấy bì màu Xanh lá ĐL 80gsm khổ 635*900mm, dạng tờ, 500tờ/gói, đã tráng phủ 1 lớp bóng, dùng để làm bì sô	48102999	48025721 48025729 48025730 48025790	Bản chất mặt hàng là "chưa tráng phủ", DN khai là đã tráng phủ để hưởng thuế suất thấp hơn
320	Giấy bì màu xanh ngọc ĐL 160gsm khổ 600*900mm, dạng tờ, 250tờ/gói, đã tráng phủ 1 lớp bóng, dùng để làm bì sô	48102999	48025831 48025839 48025840 48025891 48025899	Bản chất mặt hàng là "chưa tráng phủ", DN khai là đã tráng phủ để hưởng thuế suất thấp hơn
321	Giấy tự dính AL-W-SW-2002 (106 CM x 2000 M)	48102999	48114190	Mặt hàng là Giấy đã tráng phủ một mặt bằng cao lanh và canxi cacbonat, mặt sau có lớp tự dính bằng polyacrylic chưa in, chưa nhuộm màu bề mặt Khai báo vào mã số 48102999 nhằm hưởng thuế suất thấp
322	Giấy kraft dạng cuộn, chiều rộng 1090mm (58G White glassine paper)	48102999	48115999	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Giấy từ bột giấy đã tẩy trắng, tráng phủ một mặt bằng polysiloxane, chưa in, chưa nhuộm màu, dạng cuộn, khổ 109, định lượng 59.51g/m2, định lượng lớp silicone 1,2g/m2
323	Giấy đã tráng dạng cuộn	48103190	48043920	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Giấy kraft đã tẩy trắng, chưa tráng phủ, dạng cuộn, dùng làm bao gói thực phẩm
324	Giấy tráng phủ chất kết dính, chống tĩnh điện, có hàm lượng bột giấy 80%, không bụi, đã tẩy trắng, chưa in dạng tờ (KT: 900mm x 850mm)	48109990	48043990	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,
325	Bộ roăn (bằng giấy) hoặc Roăn bằng giấy các loại	48109990	48239099	DN khai sai mã số
326	Giấy đã phủ một mặt bằng lớp polyetylen mỏng 200x1580 (mm) VCI Angle paperboard (Sheet)	48115999	48239096	Mặt hàng dạng tấm, kích thước 200x1580mm, một bên chiều dài đã được cắt rãnh răng cưa hình tam giác, chiều dài rãnh 10cm Khai báo sai hình dạng hàng hóa
327	Giấy dạng cuộn có nhuộm màu bề mặt (làm lớp mặt bao bì)	48119099	48052510	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,
328	Giấy trang trí xenlulo	48119099	48142010 48142090	Khai báo sai tên hàng lẫn với dòng hàng 48119099

				Mặt hàng nhập khẩu ở dạng cắt rời thành từng chiếc (Mặt hàng là bao bì đựng sữa đã được ghép thành hình hộp chữ nhật, hai đầu đã được gia công (tạo gờ, gấp nếp, cắt góc) và chỉ thực hiện thêm một công đoạn rất đơn giản là ghép mí khi cho sữa vào trong Sản phẩm đã được cắt thành từng chiếc riêng lẻ, được đóng gói 500 chiếc/một đơn vị đóng gói, mặt ngoài đã được in và trang trí bao gồm tên sản phẩm sữa, tên công ty sản xuất, thành phần hóa học, cách bảo quản, cách sử dụng) Khai báo sai hình dạng hàng hóa (ghép thành hình ống, chưa tạo thành hộp hoàn chỉnh) nhằm hưởng thuế suất thấp
329	Giấy được phủ Plastic hai mặt đã ghép thành hình ống và có in trang trí, hướng dẫn sử dụng (950ml, No sugar)	48119099	48195000	
330	Giấy dạng cuộn nhuộm màu bề mặt (làm lớp mặt bao bì carton 200GSM, chưa in)	48119099	48052510	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bìa lớp mặt, được tạo bởi hai lớp giấy có màu sắc khác nhau bằng phương pháp ép âm, chưa được tráng phủ, chưa in hình, in chữ, thành phần chủ yếu từ bột giấy tái chế, trong đó bột giấy hóa học 745% Mẫu dạng cuộn, khổ 95cm, định lượng 204g/m ² , chỉ số bụi 42kPam ² /g, được sử dụng chủ yếu làm bao bì
331	Giấy dạng cuộn khổ 50-100cm, đã nhuộm màu, dùng để bó hoa, gói quà sinh nhật, làm hoa giả, định lượng 120gam/m ² .	48116099	5603.92.00	Khai sai tên hàng, mã số, bản chất hàng hóa ảnh hưởng đến việc so sánh giá khai báo. Mặt hàng có chất liệu dễ nhầm lẫn với các mặt hàng sản phẩm không dệt.
332	Giấy ép không tráng phủ dùng để lót lên tấm bảng mạch điện tử khi khoan	48120000	44119200	Khai báo sai bản chất hàng hóa: Ván sợi gỗ có tỉ trọng cao 1,15 g/cm ³ , kích thước (363x332x 1,5) mm, 2 mặt đã được khoan các lỗ có đường kính và chiều sâu khác nhau
333	Giấy chuyển nhiệt (định lượng: 80g/Cuộn)	48169040	48099090	Không khai báo kích thước hàng hóa Mặt hàng dạng cuộn, có chiều rộng trên 36cm
334	Hộp giấy đựng khóa mã vali	48191000	48196000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
335	Bao và túi xách bằng giấy không sóng	48192000	48193000 48195000	DN không khai báo rõ chiều rộng đáy, khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
336	Sợi xe từ polyeste	54026200	54023300 54024700 54025200	Khai sai thành phần, loại sợi để áp vào mã số có thuế suất thấp hơn
337	Sợi xe 98% polyester, 2% spandex, dùng sản xuất hàng may mặc	54026200	55092100	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Sợi đơn từ xơ staple polyeste có lõi (core spun yarn), độ mảnh sợi 230 decitex; thành phần 97,8% polyeste, 2,2% spandex; chưa đóng gói để bán lẻ
338	Sợi dún	54026900	54024410 54024420 54024490	Khai sai mã số để áp dụng thuế suất 0%

339	Sợi nhựa tổng hợp (SYNTHETIC FIBER - PBT DOUBLE TAPERED), Sản phẩm dùng để gắn vào bàn chải đánh răng, Kích thước 0.18x28mm, Hàng mới 100%	54041900	96039010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Sợi cước monofilament từ nylon, đã được gia công tia nhọn 2 đầu, dùng làm lông bàn chải đánh răng, đã được tùm thành búi. Quy cách: 0.18x28mm
340	Vải dệt kim	54076910 54076990	60053500 60053790	DN thường khai báo sai tên hàng, chủng loại, thành phần, ... và có thể lợi dụng khai báo mã số theo C/O form E (từ Trung Quốc) để hưởng thuế suất thấp
341	Sợi filament tổng hợp từ các polyester sợi dún (100% Spun polyester)	55092100 55092200 55095210	54023300	Khai sai đặc điểm hàng hóa, mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế thấp
342	Vải TC dệt thoi từ sợi nhân tạo tái sinh	55164100	55131100	Khai sai tên hàng, mã HS, thành phần cấu tạo
343	Băng giấy chống thấm	56039300	48239099	Khai báo sai chủng loại với dòng hàng 56039300
344	Dây dệt dùng đóng hàng gồm củ khóa và chốt (Ratchet and hook)	56075090	83081000	Khai sai đặc điểm hàng hóa, mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế suất thấp
345	Tấm trải sàn bằng nhựa PVC	57032090	39181019	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
346	Chụp đèn bằng vải chất chống cháy	57032090	94059910	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
347	Thảm trải sàn từ đay	57050029	57039022 57039029	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
348	Vải màn dùng làm lớp từ nylon, vải tráng cao su làm mép lớp-DIPPED CANVAS	59021019	59039090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Vải dệt thoi, kiểu dệt vân điểm, thành phần từ 100% filament polyester; vải đã được ngâm tẩm với RFL (resorcinol formaldehyde latex), dạng cuộn; dùng làm lớp cốt cho vải tráng phủ cao su dùng trong sản xuất lốp xe cao su
349	Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ...	59039010 59039090	56039100 56039200 56039300 56039400	Khai báo sai thành phần cấu tạo, mã số (mặt hàng vải không dệt còn liên quan đến filament hay xơ staple) để hưởng thuế ưu đãi
350	Trụ tiếp nước chữa cháy ngoài nhà, có khớp nối	59090010	73259990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
351	Băng dính dẫn điện dùng sản xuất linh kiện điện thoại bằng vải	59111000	59070060	Khai báo vải kỹ thuật để hưởng thuế thấp
352	Vải dệt dạng bánh xe dùng cho máy mài da, đường kính 13cm, độ dày 55cm-Fabric Wheel	59119090	96035000	Khai sai bản chất, tên hàng, mã số nhằm hưởng mức thuế suất thấp
353	Màng lọc dạng cuộn	59119090	5603	Khai báo vải lọc kỹ thuật để hưởng thuế thấp, bản chất là vải không dệt

354	Chăn bông	63012000 63013010 63013090 63014010 63014090 63019010 63019090	94049010	DN khai báo mặt hàng là chăn du lịch để hưởng thuế suất thấp
355	Bao tải đũa PP/bao bì nhựa PP/ bao Jumbo/bao tải cầu	63051019 63051021 63051029 63051090	39151090 39152090	Mặt hàng bản chất là phế liệu nhựa được thu gom tại các nhà máy sau quá trình sản xuất, nhiễm bẩn, chưa được làm sạch, ép và đóng thành khối; doanh nghiệp khai sai tên hàng và mã số để nhập khẩu phế liệu thuộc diện phải có giấy phép và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn
356	Miếng cọ rửa công nghiệp, bằng sợi không dệt dùng làm dụng cụ tham gia vào quá trình sản xuất sử dụng vệ sinh	63071090	96039090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
357	Dây buộc giày bằng sợi tổng hợp, dài (1.2-1.5)m, mới 100%	64061090	63079080 56090000	Khai sai mã số hàng hóa
358	Đá phiến đã gia công cạnh và khoan lỗ liên kết với các thanh gỗ	68030000	95042020	Bản chất mặt hàng là bàn bi-a DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
359	Đá mài bằng kim cương	68042100	68042200	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
360	Tấm Calcium Silicate	68061000	68091910	Khai sai tên hàng, mã HS
361	Đế ngoài và gót giày bằng cao su	64069031 64069032	64062010 64062020	Khai báo sai mục đích sử dụng từ đế ngoài và gót giày bằng cao su hoặc plastic thành đế giày đã hoàn thiện hoặc tấm lót bằng cao su hoặc plastic để hưởng mức thuế suất thấp hơn
362	Đá nhân tạo dạng tấm dùng trong xây dựng (kích cỡ các loại)	68109900	68101990	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số thấp
363	Biển báo được chiếu sáng bằng Mica	68149000	94056010	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
364	Đồ trang trí, đồ phong thủy bằng đá.	68159900	71162000	DN khai báo sai mã để hưởng thuế suất thấp hơn
365	Đá thạch anh trang trí	68159900	71162000	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn.
366	Gạch dùng trong xây dựng	69022000	69041000 69049000	Khai sai mã số hàng hóa, để lẫn với mặt hàng gạch chịu lửa dùng trong xây dựng.
367	Gạch chịu lửa có độ chịu lửa <1500 độ C	69022000 69029000	69041000 69049000	Khai sai mã số hàng hóa
368	Con lăn sứ (Dùng cho lò nung sản xuất gạch Ceramic)	69039000	84839099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
369	Gạch trang trí Mosaic	69072194 69072294 69072394 69073099 69074092	69072124 69072214 69072314 69073091 69074022	Khai báo sai tên hàng, chung loại với gạch tráng men thủy tinh,

370	Gạch lát bằng cao nhôm dùng trong dây chuyền sản xuất gạch men	69091200	69072110	Khai báo vào nhóm đồ gốm sứ để hưởng thuế suất thấp hơn
371	Kính quang học dùng làm bếp gas 7mmx1830mmx2440mm không hiệu, mới 100%	70052910	70052990	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
372	Kính quang học không có cốt thép, loại khác	70052910	70052990	Khai báo sai chủng loại với kính quang học không có cốt thép, chưa được gia công về quang học, mã số 70052910
373	Kính trắng đã gia công cạnh	70060090	70052990	Khai báo sai tên hàng, mã số
374	Gương thủy tinh	70099100	70099200	Không khai chi tiết hàng hóa có bao gồm khung hay chưa để hưởng chênh lệch về thuế suất
375	Ống đựng thuốc tiêm	70101000	70109090	Doanh nghiệp khai sai hình dạng để áp mã số có thuế suất thấp
376	Ly thủy tinh dùng để đựng sáp đèn cây và đựng dầu	70109091 70109099	70132800	Khai báo sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
377	Khay bằng thủy tinh đựng trái cây hình tròn	70133700	70134900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
378	Chén, đĩa, tô, hộp (dùng đựng thức ăn) bằng thủy tinh (bộ đồ ăn hoặc đồ nhà bếp bằng thủy tinh)	70139900	70134100 70134200 70134900	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
379	Ly, cốc bằng thủy tinh	70139900	70131000 70132200 70132800 70133300 70133700	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
380	Sợi thủy tinh G-440P	70191200	56039400	Khai báo thành sợi thủy tinh để hưởng chênh lệch thuế
381	Hợp kim ferro	72024900 72029900	72021100 72023000	Khai báo ferro 3 nguyên tố để hưởng thuế thấp
382	Vây cán	72044100	26180000 26190000	Lợi dụng khai sai do bản chất mặt hàng có thể là xi trong quá trình luyện sắt thép
383	Thép phế liệu dùng trong nấu luyện (có thành phần gang ; xi sắt)	72044900	72041000 26190000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
384	Thép dạng thỏi	72061090	72042100	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số không chịu sự quản lý chuyên ngành
385	Thép không hợp kim được cán phẳng (hàm lượng C<0,6% tính theo trọng lượng) chiều dày không quá 1,2mm, chiều rộng từ 600mm, mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng, dạng cuộn	72103011 72104911	72104912	Khai báo sai chủng loại hàng hóa (thép cuộn mạ kẽm theo phương pháp điện phân, hàm lượng carbon dưới 0,6%) hoặc mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng (thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ , mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp hợp kim hóa bề mặt có hàm lượng carbon dưới 0,04% tính theo trọng lượng và chiều dày không quá 1,2mm) để hưởng chênh lệch thuế

2/4

386	Tole tráng kẽm 05mm, được tráng kẽm bằng phương pháp điện phân, có hàm lượng cacbon dưới 0.6%	72103011	72104912	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Thép không hợp kim, cán phẳng, có hàm lượng Carbon dưới 0.6% tính theo trọng lượng, cán nguội, dạng cuộn, chiều rộng trên 600mm, chiều dày không quá 12mm, mặt cắt ngang hình chữ nhật đặc, bề mặt tráng kẽm bằng phương pháp nhúng nóng
387	Thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng, chiều dày không quá 1,2mm, đã phủ mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp nhúng nóng	72104911	72104912	Mã số khai báo sai với bản chất mặt hàng. Cụ thể, mặt hàng có bản chất là thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp nhúng nóng có hàm lượng carbon dưới 0.04% tính theo trọng lượng và chiều dày không quá 1,2mm, nhưng được khai báo là mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp hợp kim hóa bề mặt để hưởng chênh lệch thuế
388	Thép tấm, thép cuộn không hợp kim, mạ kẽm bằng phương pháp hợp kim hóa bề mặt	72103011	72104911	Khai báo sai chủng loại hàng hóa (thép được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân nhưng khai báo thành hợp kim hóa bề mặt) để được hưởng lợi về thuế
389	Sắt lá	72111915 72111919 72111992 72111993 72111999	72071290	Bản chất mặt hàng là "dạng bán thành phẩm", DN không khai báo đầy đủ thông tin để hưởng thuế suất thấp hơn tại nhóm 7211
390	Thép không hợp kim SK5, cán phẳng, chiều rộng 43mm, chưa phủ, mạ, tráng, không gia công quá mức cán nóng, (T.1.0*W,43)mm/cuộn, NL SX linh kiện kim loại, nhà SX: CHINA STEEL, TC:JIS G3311	72111913 72111991	72112920	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Thép không hợp kim được cán phẳng (hàm lượng C>0,25% tính theo trọng lượng), dạng đai và dài, cán nguội , đã qua xử lý nhiệt, kích cỡ chiều dày 1mm, chiều rộng dưới 400mm. DN cố tình khai sai tính chất mặt hàng: Khai là Cán nóng thay vì thực tế là Cán nguội
391	Thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, được tráng kẽm bằng phương pháp hợp kim hóa bề mặt	72123014	72122010 72122020 72122090	Khai báo sai chủng loại hàng hóa (thép được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân nhưng khai báo thành hợp kim hóa bề mặt) để được hưởng lợi về thuế
392	Thép tròn trơn, đường kính dưới 14 mm	72139190	72139120	Mặt hàng là thép cốt bê tông, DN khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp

393	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán, hàm lượng C < 0,6%, mặt cắt ngang hình tròn	72142039	72142031	DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
394	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán, hàm lượng C < 0,6%, loại khác	72142049	72142041	DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
395	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán, hàm lượng từ 0,6% trở lên, mặt cắt ngang hình tròn	72142059	72142051	DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
396	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán, hàm lượng từ 0,6% trở lên, loại khác	72142069	72142061	DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
397	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội	72155099	72155091	DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
398	Thép không hợp kim ở dạng thanh, hàm lượng carbon 0,45%, mới chỉ được tạo hình nguội phi 18x dài 1870mm(Dùng để kết nối các mắt xích, bộ phận của nồi hơi trong dây chuyền sản xuất sợi hóa học)	72155099	73182400	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
399	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, loại khác	72159090	72159010	DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp

400	Thép cuộn Ø 4mm	72171029	72171010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dây thép không hợp kim được tạo hình nguội, chưa tráng/phủ/mạ, dùng làm nguyên liệu sản xuất, hàm lượng carbon (C) < 0,25% DN cố ý khai sai hàm lượng Carbon để gian lận thuế
401	Dây thép mạ kẽm, dạng cuộn, đường kính 10mm, hàm lượng C-070%	72172099	72292000	Khai sai tên hàng, mã HS khai báo mã HS 72172099, không thuộc diện phải có giấy phép; Kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa: hàng là Dây thép hợp kim Mangan-Silic, dạng cuộn, mạ kẽm, mã HS 72292000 và phải có Giấy phép nhập khẩu tự động
402	Thép không gỉ, dạng thanh, gia công kết thúc nguội, mặt cắt ngang hình chữ nhật. Kích cỡ (dày x rộng) ~ (12 x 19)mm, chiều dài theo khai báo 500mm	72201190	7222.20.90	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (0%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (10%) để gian lận thuế
403	Thép không gỉ, cán phẳng, được gia công quá mức cán nguội (T12*W615)mm/cuộn, NL SX linh kiện kim loại, nhà SX: TUNG MUNG, TC:JIS G4305	72209010	72202010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Thép không gỉ được cán phẳng (hàm lượng C≈00362%, Cr≈1639% tính theo trọng lượng), dạng đai và dải, cán nguội, đã qua xử lý nhiệt, kích cỡ chiều dày 12mm, chiều rộng dưới 400mm DN cố tình khai sai tính chất mặt hàng: Khai là được gia công quá mức cán nguội thay vì thực tế là Chưa được gia công quá mức cán nguội
404	Dây thép không gỉ	72210000	72230010 72230090	Khai báo sai tên hàng thành thép không gỉ mã số 72210000
405	Thép không gỉ dạng thanh đặc	72221100	72222010	Khai báo sai đặc điểm với thép không gỉ dạng thanh, mã số 72221100 Khai báo sai đặc tính của thép không gỉ cán nguội thành thép không gỉ cán nóng
406	Thép tròn không gỉ, dạng thanh và que khác, có mặt cắt ngang hình tròn, (MM) (Đường kính x dài) - STEEL ROUND BAR	72221100	72222010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Thép không gỉ, dạng thanh, gia công kết thúc nguội, mặt cắt ngang hình tròn DN cố tình khai sai tính chất mặt hàng: Khai là Chưa được gia công quá mức Cán nóng thay vì thực tế là Gia công kết thúc nguội để gian lận thuế
407	Đầu phụt lửa của bếp lò bằng Inox	72249000	73219020	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
408	Thép hợp kim, có mặt cắt ngang hình tròn, dạng thanh (stainless Steel Round bar Cold drawn and Polished	72286010	72222010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Thép không gỉ dạng thanh, có mặt cắt ngang hình tròn, được gia công kết nguội

Handwritten mark

409	Các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn qua khuôn có chứa một trong các nguyên tố duy nhất Bo và/hoặc Cr và/hoặc Ti	72287010	98110010	Bản chất mặt hàng là có chứa một trong các nguyên tố duy nhất Bo và/hoặc Cr và/hoặc Ti DN khai là không chứa một trong các nguyên tố duy nhất Bo và/hoặc Cr và/hoặc Ti), để hưởng thuế suất thấp
410	Đường ray bằng thép để rút máy cắt trong các tủ điện 24kV	73021000	83024999	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
411	Cột ống dẫn khí CO2 bằng inox, đường kính 273,1 mm, dài 2100 mm và phụ kiện	73041100	73089099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
412	Ống xả lắp đặt (bằng thép) của máy phát	73041100	73069091 73069092 73069093 73069099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
413	Ống chống và ống khai thác bằng thép đúc không có ren, đường kính từ 2 - 3/8 inch đến 20 inch, sử dụng cho khoan dầu khí, loại bằng thép không gỉ	73042490	73042410	Khai sai chủng loại không có ren thành có ren để hưởng mức thuế suất thấp
414	Ống thép không gỉ, mặt cắt rỗng, hình tròn, không nối dùng để sản xuất khung giá trưng bày hàng hóa trong cửa hàng (phụ kiện tháo rời của kệ trưng bày)	73044900	94038990	Khai báo sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
415	Ống cao áp dẫn dầu (sắt) - phụ tùng động cơ diesel dùng cho máy cày xới	73061990	73069091 73069092 73069093 73069099	DN khai sai mã số
416	Gối chấu thép, vật tư đặc chủng xây dựng cầu	73081010	73089099	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
417	Cửa trượt bằng inox dùng trong kho lạnh kèm điện trở xả bằng, size 2300W x 2700H x 125T	73083000	83026000	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
418	Trụ cột đỡ camera bằng thép mạ kẽm	73084090	83025000	Doanh nghiệp khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
419	Ke góc bằng kim loại	73089020 73269099 76169990	83024999	Doanh nghiệp khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
420	Chặn cửa bằng sắt	73089099 73269099	83024999	Doanh nghiệp khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
421	Bình chứa ga nén hoặc ga lỏng, bằng sắt hoặc thép, dung tích dưới 30 lít	73102110	73110092	DN khai báo không đầy đủ thông tin mặt hàng, để hưởng thuế suất thấp hơn,

422	Tấm đan	73141200 73141400 73141910 73141990	73144100 73144200 73144900	Doanh nghiệp lợi dụng thay đổi thuế suất của các dòng hàng để khai thuế suất thấp
423	Chốt xích, bộ phận của xích gầu nâng	73151990	84831090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
424	Xích gầu nâng, dùng để vận chuyển vật liệu sản xuất xi măng	73159090	73158990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
425	Bộ Móc cầu bằng sắt của xưởng cứu sinh	73160000	73269099	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
426	Bộ Móc cầu bằng sắt của xưởng cứu sinh	73160000	73269099	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
427	Móc tăng, giảm (tăng đơ) dây thép (cáp), bằng thép có ren, chiều dài 6-<50cm (chưa tính đầu móc)	73160000	73269099	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
428	Nở đóng, tắc kê	73181610	73181910	Khai sai mã HS để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt C/O form E
429	Đinh kẹp	73181510 73181590	73170090	DN khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
430	Đinh vít và bu lông bằng thép có ren	73181510	73181910	DN không khai báo rõ đường kính ngoài của thân bao nhiêu, cố tình áp vào mã số có thuế suất ưu đãi đặc biệt thấp hơn
431	Đinh vít (bằng sắt)	73181590	73181510	DN cố tình không khai chi tiết, cụ thể đường kính của đinh vít để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt form E)
432	Đai ốc bằng thép có ren	73181690	73181610	DN không khai báo rõ dùng cho bu lông có đường kính ngoài của thân bao nhiêu, cố tình áp vào mã số có thuế suất ưu đãi đặc biệt thấp hơn
433	Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép; -Lò xo và các lá lò xo; -dùng cho xe có động cơ hoặc các loại máy thuộc nhóm 8429 hoặc 8430; -dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 8702, 8703 hoặc 8704	73201012 73201019	73201011	Khai báo lò xo thường để áp thuế suất thấp hơn lò xo dùng cho xe có động cơ
434	Lò xo lá và các lá lò xo	73201011	87089970 87089980	Bản chất mặt hàng là loại dùng xe thuộc nhóm 8701, DN không cung cấp đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp tại mã số 73201011 (mã số này chỉ dành cho xe thuộc nhóm 872, 8703 và 8704)
435	Lò xo lá dùng cho xe ô tô tải (>5-20)tấn, dài 180cm, rộng 10cm, dày (1-3)cm, hiệu chữ Trung Quốc, mới 100%	73201090	73201011	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
436	Vòng xoắn dùng ghép nối, dùng cho cặp gửi tờ rơi hoặc hồ sơ tài liệu	73209090	83051010	Khai báo sai tên hàng và mục đích sử dụng với lò xo bằng thép, mã số 73209090

21

437	Chân đỡ dạng tù dùng cho bếp, chất liệu Inox	73219020	83025000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
438	Gạt tàn làm bằng kim loại màu bạc, kèm theo một chân đế bằng nhựa	73239120 83062990	73239320	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
439	Xô inox loại 1 lít	73239990	73239390	Khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
440	Bộ dao, nĩa, muỗng bằng thép không gỉ	73239310	82159900	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
441	Bình đựng nước trái cây bằng thép không gỉ	73239390	73239310	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
442	Khay sắt không gỉ	73261900	73239990	Khai báo sai mục đích sử dụng với đồng hàng 73261900
443	Chổi dùng cho máy móc thiết bị bằng thép, nhựa	73269099 39269099	96031020	DN khai báo sai so với bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp
444	Bánh xe dùng làm cửa	73261900	83022090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
445	Thùng phuy bằng sắt	73269099	73102910	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa sang các sản phẩm bằng thép loại khác, mã số 73269099
446	Nút bịt bằng thép	73269099	73251090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
447	Cửa thăm liệu dùng để kiểm tra nguyên liệu, đường kính D100mm, dùng cho dây chuyền sản xuất bột mì, hàng mới 100%	73269099	73083010 73083090	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn
448	Đai đỡ chỉ bằng thép, kích thước D60mm, phụ tùng của máy khâu bao bột mì, mới 100%	73269099	73182910 73182990	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn
449	Giá đỡ ống thông gió bằng thép	73269099	83024999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
450	Trục của bộ ly hợp bằng thép	73269099	84831090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
451	Kẹp bằng sắt dùng để gia cố sản phẩm	73269099	73170090	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
452	Khớp nối trục bằng sắt dùng cho máy móc	73269099	84836000	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
453	Chân chống xe máy	73269099	87141090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
454	Cúp tron bằng sắt (chưa in nội dung), kích thước 14-43cm	73269099	83062990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
455	Đinh rút bằng thép	73269099	73182400	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
456	Dụng cụ mở bulong bằng sắt	73269099	82041200	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
457	Tay quay truyền chuyển động	73269099 82041100	84831090	DN khai sai mã số
458	Nắp thoát nước bằng thép, kích thước (15x15) cm dùng trong phòng tắm	73269099	73249099	DN khai sai mã số

459	Bảng Menu bằng kim loại	73269099	83063099	DN khai sai mã số
460	Khung để Menu bằng sắt	73269099	83063099	DN khai sai mã số
461	Thùng rác bằng inox; Thùng rác đôi bằng thép không gỉ có sơn tĩnh điện, bên ngoài trang trí ốp đá Marble; Thùng rác có gạt tàn bằng inox	73269099 73239990 73102999	73239390	Khai không rõ mục đích sử dụng
462	Giá để vật dụng văn phòng bằng Inox	73269099	94031000	DN khai sai mã số
463	Tay cầm bằng thép để mở nắp bồn	73269099	82055900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
464	Tay vịn bồn cầu bằng inox	73269099	73249099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
465	Thanh cái dẫn điện bằng đồng	74071040	85444949	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
466	Đồng tinh luyện dạng thanh và que	74072100 74072900	7407.10.40	Khai sai bản chất mặt hàng: thường khai là đồng hợp kim
467	Dây đồng bằng hợp kim bằng đồng nhôm	74082900	85441190	Khai sai đặc điểm hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp hơn. Bản chất hàng hóa là Dây đồng dạng cuộn có phủ lớp cách điện bên ngoài
468	Đồng tinh luyện dạng dây (tùy theo quy cách)	74082900	74081110 74081190 74081900	Khai sai bản chất mặt hàng: thường khai là đồng hợp kim
469	Đồng tinh luyện dạng cuộn	74092100 74093100 74094000 74099000	74091100	Khai sai bản chất mặt hàng: thường khai là đồng hợp kim
470	Bột nhôm (Aluminium Oxide)	76031000	28182000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Qua kiểm tra tài liệu kỹ thuật DN cung cấp hoặc kết quả tra cứu tài liệu MSDS trên Internet đều cho thấy thành phần chính của mặt hàng là Nhôm Oxit (Al ₂ O ₃) chiếm từ 95% trở lên
471	Nhôm dạng thanh và que	76032010 76032020	76041010	Khai sai hình dạng nhôm để hưởng thuế suất thấp
472	Ray nhôm cửa đi hoặc cửa sổ trượt	76042910	83024999	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
473	Nhôm ở dạng thanh, que và hình (xuất khẩu, NK)	76069100 76069200	76041010 76041090 76042110 76042120 76042190 76042910 76042930 76042990	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
474	Cấu kiện bằng nhôm dài 3m đã được gia công sử dụng làm kết cấu	76101090	76109099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

475	Phụ tùng của xe Ducati-chân chống bằng nhôm	76169990	87141090	Khai báo sai chủng loại với dòng hàng 76169999
476	Phụ kiện của rèm (thanh ray để làm rèm bằng nhôm)	76109099	83024290	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng mức thuế suất thấp hơn (chú giải HS, mặt hàng này thuộc chương 8302
477	Thanh ray trượt bằng nhôm	76109099	83024999	Doanh nghiệp khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
478	Bột Zircon 5, nguyên liệu dùng để sản xuất gốm sứ gạch men, hàng mới 100%	81092000	25309010	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
479	Ferro Silicon Manganese (Mn: 60% min, Si: 14% min, C: 250% max, P: 03% max, S: 0035% max)	81110010 81110090	72023000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
480	Dao cắt giấy	82053000	82141000	DN khai sai mã số
481	Đế khuôn bằng gỗ công nghiệp dùng để cắt, dập	82073000	44219999	Sản phẩm được làm bằng gỗ ép, đã được gia công hoàn chỉnh tạo các rãnh để lắp các lưới dao cắt, dùng cho máy cắt, dập
482	Vít đã ren bằng sắt -Screws. KT: đường kính 5-10*15mm, dùng gắn đồ gỗ	82079000	73181210	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
483	Gá kẹp lưới cắt	82089000	73269099	DN khai sai mã số
484	Dao gọt cách điện, sử dụng trong ngành điện	82089000	82119291 82119299	DN khai sai mã số
485	Bộ dụng cụ tĩa dùng cho nhà bếp	82111000	82100000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
486	Bản lề (dùng cho cửa đi và cửa sổ)	83024139	83021000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
487	Khĩa cửa bằng Inox	83024139	83014020	Khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp
488	Giá đựng đồ dùng nhà bếp bằng inox, loại một tầng, kích thước:(45x42x30)cm hiệu JUNKANG, mới 100%	83024290	83025000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
489	Khung giá để bàn là bằng thép lắp trong tủ quần áo	83024290	73239310	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
490	Kệ có móc treo và bao gồm kệ để sách và hàng hóa khác dùng trong siêu thị bằng sắt	83024290	94032090	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
491	Giá kéo trong tủ bếp	83024290	73239390	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
492	Giá đựng bát đĩa dùng trong tủ sấy bát đĩa; Giá bát đĩa xoong nồi, chai lọ bằng thép dùng để lắp vào tủ bếp	83024290	73239310	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
493	Giá đựng ly	83025000	73239390	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

Handwritten signature

494	Giá đỡ trang trí đồ điểm tâm bằng inox	83025000	73239390	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
495	Giá đỡ khuôn dùng cho máy dập lô gỗ bằng sắt, trọng lượng 200kg, hiệu chữ Trung Quốc, mới 100%	83024999	83025000	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn
496	Giá đỡ ống thép, dùng cho máy uốn ống, kích thước (60x40x40)cm, trọng lượng 40kg, hiệu chữ Trung Quốc, mới 100%	83024999	83025000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
497	Bộ bản lề sàn thủy lực, bằng sắt, dùng cho cửa ra vào tự động	83026000	83024190 83024290 83024999	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
498	Ghim dập công nghiệp dạng băng, bằng thép phủ nhựa	83052090	83052020	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
499	Khóa dùng cho túi xách bằng sắt mạ (khóa có chốt, mắt cài khóa)	83089090	83081000	DN có thể khai báo phụ kiện may mặc, túi xách bằng sắt mạ: Đầu khóa cài... để được hưởng mức thuế suất thấp hơn từ 27% xuống 25%
500	Móc chìa khóa hình tròn	83089090	83081000	DN khai sai mã số
501	Khoen treo khóa trang trí bằng kim loại	83089090	83081000	DN khai sai mã số
502	Móc khóa trang trí	83089090 73269099 95030099 39264000	83081000	DN khai sai mã số
503	Máy xông hơi ướt	8402 8417 8419 8424 8462 8509 8516 8537 9019	85167990	DN nhằm lẫn đây là trang thiết bị y tế
504	Nắp thùng dầu nguyên liệu	84099979	83099099	DN khai sai mã số
505	Phụ tùng ô tô cho xe tải 550 kg. Bộ hơi com lê	84099979	87089980	DN khai sai mã số
506	Phụ tùng ô tô cho xe tải 550 kg. Vô lăng lái	84099979	87089499	DN khai sai mã số
507	Mô tơ điện pos 5 (ISE 120)	84122900	85012019	DN khai báo phân loại theo máy móc, thực chất mô tơ đc phân loại tại nhóm 8501
508	Mô tơ điều khiển van bướm	84123900	85012029	DN khai báo phân loại theo máy móc, thực chất mô tơ đc phân loại tại nhóm 8501
509	Motor quạt công suất 15 KW	84128000	85012029	Bản chất mặt hàng là mô tơ điện, DN không khai báo đầy đủ thông tin để hưởng thuế suất thấp hơn.
510	Máy bơm nước dùng trong bồn xử lý nước thải	84131910	84138113	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
511	Chân đế của bơm Piston Hoạt động bằng điện	84133090	73269099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

512	Bơm nước	84137x	84138x	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thuế NK thấp Bơm nước không phải bơm ly tâm, nhưng áp mã bơm ly tâm để hưởng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt 0% (C/O mẫu E) (trong khi bơm nước loại khác 8413.80 t/s ACFTA 12%)
513	Bơm ly tâm nước một tầng, một chiều hút với đường kính cửa hút không quá 200mm	84137091	84137011	Khai báo sai về đặc điểm, chủng loại với Bơm ly tâm khác đường kính cửa hút không quá 200mm (dùng để bơm chất lỏng, hóa chất, các chất có độ nhớt cao...), mã số 84137091
514	Bơm ly tâm nước một tầng, một chiều hút, trục ngang được chuyển động bằng dây đai ---loại khác	84137099	84137019	Khai báo sai về đặc điểm, chủng loại với Bơm ly tâm khác ---loại khác (dùng để bơm chất lỏng, hóa chất, các chất có độ nhớt cao...), mã số 84137099
515	Máy bơm bùn (thiết kế cho cả mục đích bơm nước thải)	84137099	84137039	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
516	Bơm nước được thiết kế đặt chìm dưới nước	8413709x	8413703x	Doanh nghiệp lợi dụng thay đổi thuế suất của các dòng hàng để khai thuế suất thấp
517	Cánh máy bơm nước của máy rửa chén công nghiệp	84139190 84229090	84139140	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
518	Ruột bình tích áp	84139190	40169959	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
519	Trục chén	84139190	84839099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
520	Máy làm đông lạnh, thiết bị làm đông lạnh-loại khác-loại khác	84143040	84186990	Khai báo sai tên hàng là thiết bị cấp đông dùng trong công nghiệp thực phẩm, mã số 84143040
521	Máy bơm hơi	84143090	84148090	DN khai sai mã số
522	Máy quạt gió	84145999	84145949	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
523	Quạt cắt gió	84145999	84145941	Mô tả hàng hóa không rõ ràng, khai sai mã số
524	Máy thổi khí	84145950	84145930	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
525	Tủ hút khí độc, model FH1000X dùng trong phòng thí nghiệm	84146011	94032010 94037020 94038910	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
526	Quạt gió dùng để đảo không khí phòng cháy nổ, sử dụng trong lò sấy gỗ	84145920	84145941 84145949	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
527	Đầu bơm của bơm nước tăng áp công suất 75Kw, lưu lượng 30m3, tốc độ quay 2950 rpm	84149091	84139140	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

Handwritten signature

528	Điều hòa không khí	84158x	84151x	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thuế NK thấp DN khai báo hàng có ống dẫn khí để chuyển khí lạnh đến các khu vực làm mát để phân loại 8415.8x
529	Điều hòa không khí loại đặt sàn, công suất không quá 26,38KW	84158193 84158194 841582	84151010	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
530	Thiết bị trao đổi nhiệt dùng cho hệ thống điều hòa trung tâm; Dàn trao đổi nhiệt FCU/AHU (dàn lạnh) của hệ thống điều hòa và thông gió	84159049 84159019	84158399 841582 84158193	Khai báo sai mã số HS để được hưởng mức thuế suất thấp hơn của bộ phận điều hòa.
531	Gỗ nệm (dùng cho máy điều hòa)	84159019	44219999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
532	Gỗ vuông (dùng cho máy điều hòa)	84159019	44219999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
533	Kẹp ống (dùng cho máy điều hòa)	84159019	83024999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
534	Lưới cán côn trùng (dùng cho máy điều hòa)	84159019	73144900	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
535	Ống khuỷu 45 độ (dùng cho máy điều hòa)	84159019	73072990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
536	Tấm làm khít (dùng cho máy điều hòa)	84159019	39269099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
537	Cảm biến ngọn lửa (bộ phận của bếp gas công nghiệp)	84169000	73219090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
538	Giữ lửa môi (bộ phận của bếp gas công nghiệp)	84169000	73219090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
539	Núm vặn (bộ phận của bếp gas công nghiệp)	84169000	73219090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
540	Thiết bị điều khiển nhiệt độ của lò nung sứ vệ sinh	84169000	85371099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
541	Giá đặt khay lò nướng bánh công nghiệp	84179000	83025000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
542	Hộp đèn tủ mát; Hộp đèn trang trí tủ mát	84189100	94054099	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
543	Tấm khay làm mát bằng ống đồng trong điều hòa không khí	84189990	84159019	Khai sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp,
544	Bộ kệ kính dài 1500mm (bộ phận của quầy trung bày)	84189990	70139900	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
545	Chân inox chuyên dụng	84189990	73269099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

546	Tủ hút hơi độc	84193919	94032010 94036010 94037020 94038910	Bản chất mặt hàng là Tủ hút hơi độc DN khai sai tên hàng thành "Tủ sấy dùng để sấy khô bảo quản thiết bị, dùng trong phòng thí nghiệm", sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
547	Bếp điện từ	84198110	85167990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
548	Thiết bị giữ nóng/hâm nóng thức ăn dùng điện	84198110	85162900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
549	Bếp chiên nhúng đơn dùng điện cho nhà hàng, khách sạn	84198110	85166090	DN khai sai mã số
550	Nắp tròn dùng cho nồi tròn chứa thức ăn 10 lít	84199019	73239310	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
551	Nồi tròn chứa thức ăn 10 lít	84199019	73239310	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
552	Bình hâm nóng café - bộ phận của thiết bị hâm nóng café	84199019 85169029	70109099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
553	Bộ điều khiển công tắc tắt mở của đèn hâm nóng thực phẩm	84199019	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
554	Hộp điện bộ phận của máy nung nguyên liệu trong sản xuất kim loại - The electric box 450*500MM - hàng mới 100%	84199019	85381019	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
555	Kính chống sặc (bộ phận của đèn hâm nóng thực phẩm)	84199019	70139900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
556	Lọc dầu bôi trơn	84212391	84212321	Khai báo sai chủng loại với dòng hàng 84212391
557	Lọc nước giải nhiệt sử dụng nhiều loại xe	84212399	84212329	Khai báo sai tên hàng, chủng, chủng loại với lọc dung dịch làm mát động cơ, mã số 84212399
558	Bẫy hơi bằng gang dạng Ball Float dùng cho đường ống hơi	84213990	84818099	Khai sai không đầy đủ tên hàng nhằm hưởng mức thuế suất thấp
559	Lưới lọc keo bằng sắt thép	84212990	73144900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
560	Lưới lọc keo bằng nhôm	84219999 84212990	76169100	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
561	Máy đóng gói chè	84224000	84388091	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
562	Bộ điều tốc (phụ tùng của máy đóng gói)	84229090	84834090	Khai báo sai chủng loại với dòng hàng 84229090
563	Bích nối các ống dẫn nước (linh kiện trong máy rửa chén công nghiệp)	84229090	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
564	Van điện từ cấp nước của máy rửa chén	84229090	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
565	Lò xo cửa của máy rửa chén	84229090	73209090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
566	Vòi phun tráng cửa máy rửa bát đĩa	84229090	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

567	Bộ điều khiển của máy rửa chén	84229090	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
568	Lò xo cửa của máy rửa chén	84229090	73209090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
569	Công tắc cửa cảm biến của máy rửa chén	84229090	85365039	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
570	Súng bắn keo	84242021 84242029	82055100 82055900	Khai sai mã số, bản chất hàng hóa là dụng cụ cầm tay
571	Họng nạp nước chữa cháy 2 cửa/ 4 cửa, có khớp nối	84242029	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
572	Súng phun màu làm bánh kem bằng Inox, sử dụng bằng tay	84242029	84132090	Khai báo sai tên hàng để hưởng mức thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là: Bơm dầu mỡ bằng tay
573	Máy phun sương tạo ẩm không khí, khuấy tán, xông tinh dầu.	84243000 84248950	85098090	DN khai sai mã số.
574	Máy phun sương mini dưỡng da mặt Model RL-555, dung tích 9ml, nguồn điện 37V, công suất 2W, hiệu Trung Quốc, mới 100%	84248910	85098090	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
575	Máy tạo độ ẩm không khí hình con thú các loại	84248950	85098090	khai sai mã số để hưởng thuế suất ưu đãi 0%
576	Đầu phun nước có gắn vòi, dùng cho hệ thống phun nước	84248920	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
577	Vỏ ngoài của súng phun keo, bằng nhôm	84249023	76169990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
578	Máy tăng âm không khí bằng loa tạo sóng siêu âm	84243000 84248950 84796000	85098090	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng mức thuế suất thấp hơn
579	Băng tải bằng thép	84283390	73141910	DN khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
580	Xe ô tô cần cầu	84264100	87051000	Doanh nghiệp lợi dụng khai thành mặt hàng cần trục bánh lốp để hưởng thuế suất thấp
581	Máy bóc kính, loại bóc 2 phía 2 giá kính, dùng trong quy trình làm kính	84289090 84649010	84283990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
582	Van quay nguyên liệu dùng cho nghiền đá và các loại clinke cung cấp cho băng tải chuyên đến máy nghiền	84283990	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
583	Bộ chống quay ngược cho hộp giảm tốc dùng cho băng chuyền	84313990	84839099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
584	Dàn xới đất (chưa gắn máy kéo)	84329090	84322900	Khai báo sai cấu tạo hàng hóa (khai là bộ phận của máy xới) để hưởng thuế suất thấp
585	Máy cắt cỏ đeo vai cầm tay hoạt động bằng điện (động cơ điện gắn liền)	84331100 84331990 84332000	84672900	Không khai rõ là máy cầm tay để hưởng mức thuế suất thấp hơn
586	Máy chọn màu nông sản	84336010	84371030	Khai báo sai chủng loại với các mặt hàng thuộc 84336010

587	Máy nghiền đá công suất cao	84351010	84742011	Khai báo sai chủng loại hàng hóa từ nghiền đá (sản phẩm khoáng) sang nghiền sản phẩm dùng trong sản xuất đồ uống
588	Máy vắt cam	84351010	85094000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
589	Máy xay sinh tố	84351010	85094000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
590	Cối máy xay sinh tố dùng đựng thực phẩm xay	84359010	85099090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
591	Khớp nối dùng truyền động lưỡi dao cho máy xay sinh tố	84359010	84831090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
592	Rổ lọc	84359010	73239990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
593	Đĩa bảo thực phẩm bằng thép dùng cho máy bảo thực phẩm	84359010 84389019	82083000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
594	Thiết bị điện gia dụng (máy urom rau mầm, máy làm mát không khí bằng bay hơi)	84368011 84796000	85098090	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (máy làm mát không khí bằng bay hơi phân loại theo 8509 nếu trọng lượng <20kg, 8479 nếu >20kg)
595	Máy cắt thịt dùng trong chế biến thực phẩm	84385010	84388091	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
596	Máy lọc hoặc tách xương/da/vây bằng thép, hoạt động bằng điện	84385010	84388091	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
597	Máy xay thịt gia súc, gia cầm	84385010	84388091	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
598	Máy ép rau quả dùng cho gia đình	84386010	85094000	Khai báo mục đích sử dụng mặt hàng máy chế biến công nghiệp hoa quả, loại hoạt động bằng điện thuộc nhóm 8438
599	Máy xay đỗ tương	84386010	84378059	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
600	Máy xay nguyên liệu hạt ngũ cốc hoạt động bằng điện	84386010	84378059	DN khai sai mã số
601	Xe kéo và xe đẩy, xe kéo và xe đẩy bằng tay để chở hàng và các loại xe tương tự được vận hành bằng tay sử dụng trong các nhà máy hay phân xưởng	84369110	87168010	Khai báo sai mục đích sử dụng (các loại máy dùng trong nông nghiệp) lẫn với dòng hàng 84369110
602	Máy xay đá viên	84388021 84388091	85094000	Khai báo sai mục đích sử dụng lẫn với dòng hàng 84388091
603	Máy (thiết bị) cắt bánh mì	8438	85098090	DN nhầm lẫn đây là thiết bị sản xuất thực phẩm
604	Máy xay cà phê công nghiệp	84388091	85098090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Doanh nghiệp khai sai tên hàng
605	Máy xay thực phẩm dùng trong công nghiệp	84388091	85094000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Doanh nghiệp khai sai tên hàng
606	Đĩa cắt của máy cắt lát, dùng để cắt thịt cá	84389019	82083000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

607	Đĩa cắt dùng cho máy cắt rau củ	84389019	82083000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
608	Khớp nối bằng nhựa dùng truyền chuyển động của máy xay thực phẩm	84389019	84839099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
609	Trục xoắn dẫn hướng và đẩy thịt vào lưỡi xay (bộ phận của máy xay thịt)	84389019	84839099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
610	Vỏ máy bao ngoài của trục máy xay (bộ phận của máy xay thịt)	84389019	85099090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
611	Lưỡi cắt của máy xay thịt	84389029 84389019	82083000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
612	Máy in kỹ thuật số offset HP Indigo 7900, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động	84433290	84431300	Doanh nghiệp hiểu sai bản chất của hàng hóa nên phân loại vào mã số có thuế suất thấp. Thực tế hàng hóa là máy in offset
613	Mô tơ	84439100	85012019	DN khai báo phân loại theo máy móc, thực chất mô tơ đc phân loại tại nhóm 8501
614	Bánh răng đảo hướng máy kéo sợi bằng thép, kí hiệu FA 401 -0633, hình tròn, đường kính 50mm, Hàng mới 100% Sản xuất tại : China	84483900	84834090	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
615	Ổng xi lanh bằng thép (kích thước 2050x100x108mm, Bộ phận của máy đóng bao trong dây chuyền sản xuất xơ/ sợi hóa học, hàng mới 100%)	84483900	84099973	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
616	Bobbin bằng nhựa, phụ tùng máy dệt	84485900	39269099	Khai báo sai chủng loại lẫn với dòng hàng 84485900
617	Bàn ủi sia-042, dùng trong ngành may công nghiệp	84513090	85164010	DN khai sai mã số
618	Ổng dùng cho bàn là dùng trong may công nghiệp	84519090	40094110 40094190	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
619	Cục điều chỉnh hơi cho bàn là hơi nước dùng trong may công nghiệp	84519090	84818099	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
620	Máy chụp phim	84532010	90101000	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UE, UEDB thấp hơn
621	Phốt đánh bóng giấy	84539000	56022900	Doanh nghiệp khai báo vào mã HS của bộ phận của máy dùng để sản xuất hay sửa chữa giày dép
622	Hộp giảm tốc của giá cán K10 (hộp giảm tốc K10); Bộ phận của máy cán thép	84559000	84834090	DN khai sai mã số

623	Máy cắt bánh răng, máy cắt khác	84581990 84589990	84581910 84589910	Bản chất mặt hàng là Máy tiện kim loại có bán kính gia công tiện không quá 300mm DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
624	Máy tiện vạn năng	84581990	84581910	Doanh nghiệp khai báo sai đặc điểm hàng hóa để hưởng thuế suất thuế NK thấp Nghị vấn hàng hóa có thể thuộc mã số 8458.19.10, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 15% do hồ sơ không thể hiện bán kính gia công.
625	Máy cắt bánh răng, máy cắt khác	84614010 84614020 84619091 84619099	84615010 84615020	Bản chất mặt hàng là Máy cắt đứt kim loại, DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
626	Máy cắt gạch (đá) cầm tay, công suất 220V-230V-380W	84615010	84672900	Khai báo sai tên hàng
627	Máy cắt kim loại	84623910 84623920	84615010 84615020	Không khai đầy đủ thông tin: kiểu cắt (cắt đứt hay cắt xén) để hưởng thuế suất thấp
628	Dây curoa 400x2500mm	84649010	40103900	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc, mã số 84649010
629	Bảng điều khiển điện	84649010	8537	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc thiết bị, mã số 84649010
630	Máy vận chuyển kính, tải kính, có bánh xe để định vị kính (TRANSFER MACHINE WITH UNIVERSAL WHEELS) hoặc Máy vận chuyển, tải kính và định vị, kết nối với máy bốc dỡ (TRANSFER AND POSITION MACHINE)	84649010	84289090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
631	Bóng cao tần TOSHIBA 8T8RB (phụ tùng của máy ghép ván gỗ cao tần KHL-1040H)	84669290	85393990	Khai sai đặc điểm hàng hóa, mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế suất thấp
632	Máy thổi bụi cầm tay	84672900	84145930	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
633	Dụng cụ khô hơi nóng cầm tay, hoạt động bằng điện	84678900	85167090	Doanh nghiệp hiểu sai bản chất của hàng hóa nên phân loại vào mã số có thuế suất thấp. Thực tế hàng hóa là thiết bị sử dụng điện trở đốt nóng bằng điện
634	Dụng cụ bắn keo nóng cầm tay, hoạt động bằng điện	84678900	85167990	Doanh nghiệp hiểu sai bản chất của hàng hóa nên phân loại vào mã số có thuế suất thấp. Thực tế hàng hóa là thiết bị sử dụng điện trở đốt nóng bằng điện

635	LK dùng cho xe ô tô tải thùng loại có tải trọng từ 500-990Kg, TTL có tải < 5T, mới 100%: Hộp đen (L0100220122A0)	84715090	85118020	DN khai báo tên hàng là Hộp đen xe ô tô tải, hàng thực tế là ECU ASSY (ENGINE CONTROL UNIT)
636	Bàn phím máy in lụa	84716030	85371019	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
637	Nút điều khiển ấn mở cửa	84718010	85389019	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
638	Máy chấm công bằng vân tay	84729060	91061000	DN khai tên hàng là máy chấm vân tay mà không khai chức năng chấm công để áp mã 84729060, thuế suất thuế NK 3%, mã HS 91061000 thuế suất 5%
639	Bộ mạch điều khiển của máy kiểm tra kính	84733090	85371019	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc thiết bị, mã số 84733090
640	Tấm bo mạch dữ liệu thông tin	84733090	85423900	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
641	Tấm bo mạch phân phối thị tần	84733090	85423900	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
642	Đá mài ruller	84748010	68042200	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy trộn đất đá, mã số 84748010
643	Lưới sàng Inox	84748010	73143900	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc, mã số 84748010
644	Bơm dầu bơm piston, sử dụng cho máy nhào trộn đất đá	84748010	84133090	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc, mã số 84748010
645	Mô tơ giảm tốc 055KW	84748010	85015119	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy, mã số 84748010
646	Mô tơ khuấy của máy phun bột	84749010	85012029	Dn khai báo phân loại theo máy móc, thực chất mô tơ đc phân loại tại nhóm 8501
647	Bộ phận trục sứ của máy chế tạo kính cường lực, gia công nóng kính thủy tinh	84759010	69141000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
648	Máy đếm đồng xu dùng cho trò chơi	84768900	95049099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
649	Màng poly (ethylen terephthalat) không xốp, chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được hỗ trợ hoặc chưa được kết hợp với các vật liệu khác, không tự dính, dày 0,03mm dạng cuộn khổ rộng 1m	84773000	39206210 39206290	Khai báo sai mục đích sử dụng, công dụng (phụ kiện, vật tư cách điện) để hưởng thuế suất 0%
650	Máy nối ván ép. Model: CIVCJ serial: 961001, hoạt động bằng điện.	84793010	84659410	DN khai sai mã số

651	Máy xếp kính, dùng để lưu trữ kính trong quy trình làm kính	84798939	84289090	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
652	Túi cao su sử dụng trong máy thổi nhựa dùng để bơm hơi nâng khuôn đúc nhựa (Foaming Machine spare parts) hàng mới 100%	84779039	40169999	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhằm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
653	Máy gia công nhựa cứng	8477xxxx	8465xxxx	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
654	Máy uốn vòm dùng trong gia công cửa nhựa	84798110	84659410	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
655	Máy cắt hai đầu dùng trong gia công cửa nhôm 380V/50ZH, 4,5KW	84798110	84615010	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
656	Bê kềm có kích thước 12m*1m*15m được làm bằng thép có dung tích trên 300 lít	84798110	73090099	Khai báo sai bản chất hàng hóa để hưởng thuế suất thấp
657	Máy trộn xoắn ốc dùng để trộn bột	84798210	84388091	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
658	Máy làm mát không khí bằng bay hơi nước,	84796000	85098090	Không mô tả đầy đủ tiêu chí trọng lượng, sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
659	Máy ép dùng trong xử lý nước thải	84798210	84743910	Khai báo sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
660	Máy trộn gia vị	84798210	85094000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
661	Máy vò chè, dùng điện 380V, công suất 3KW, kích thước (16 x 15 x 15)m, hiệu chữ trung quốc, mới 100%	84798210	84388091	Khai báo sai chủng loại để hưởng thuế suất thấp
662	Máy trộn nguyên liệu dùng trong dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc loại đặt cố định dùng điện 380 V tổng công suất 11 KW Kích thước(3000 mm x 550 mm x 800 mm)nặng 1000 Kg Hiệu YBL-10B-Mới 100%	84798210	84361010	Khai báo sai chủng loại để hưởng thuế suất thấp
663	Máy thái thịt	84798220	85098090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
664	Máy quét sàn hoạt động bằng điện	84798220	85098090	Khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
665	Máy hút chân không, dùng hút không khí,model:GVEL-100B1C2, dùng điện 380v, 05HP	84798939	84141000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Máy bơm chân không

666	Giá đỡ kính, dùng trong quy trình làm kính (GLASS RACK)	84798939 84289090	83024999	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
667	Máy vò chè, dùng điện 380V, công suất 3KW, kích thước (16 x 15 x 15)m, hiệu chữ trung quốc, mới 100%	84798210	84388091	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
668	Giá đỡ điều chỉnh trục chìm, bộ phận của dây chuyền mạ thép (tên tiếng Anh: sink roll Adjustment frame), hàng mới 100%.	84799030	83024999	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
669	Khuôn đúc thỏi kim loại	84801000	84542000	Không khai rõ mục đích sử dụng
670	Khuôn đồng đúc kim loại	84801000	84542000	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
671	Bộ giảm tốc cho băng chuyền nối vào máy rửa nối inox M/C(NV115) loại lớn, mới 100%	84804900	84834090	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
672	Khuôn đúc bê tông bằng hợp kim nhôm-A-FORM SYSTEM, dùng trong xây dựng hoặc Aluminum formwork	84806000	76109099	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng mức thuế suất ưu đãi/ưu đãi đặc biệt-C/O mẫu E thấp hơn
673	Van thủy lực đảo chiều dùng cho máy nghiền than	84811019	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
674	Van an toàn hay van xả	84811019 84811021 84811022 84811091 84811099	84814010 84814090	Khai báo sai chủng loại với van giảm áp, mã số 848110
675	Đầu phun nước bằng đồng phi (6-12)mm, mới 100%	84812090	84819021	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
676	Van chặn an toàn, bằng inox	84813090 84814090	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
677	Van vòi chậu rửa	84818077 84818099	84818050	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
678	Van điện từ code A600115 24V mới 100%	84811099	84814090	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
679	Van đóng mở, hoạt động bằng lò xo, mở bằng lực khí nén	84812090	84818082	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
680	Van phân phối khí nén, hoạt động bằng điện, chất liệu nhôm	84812090	84818082	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
681	Bộ vòi sen (gồm: dây sen, bát sen, vòi kết hợp với van) bằng sắt	84818063	73249099	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn

682	Vòi nước bằng đồng	84818091	84818050	Không khai báo vòi nước có chức năng nóng lạnh hay không, vì mặt hàng vòi nước có chức năng nóng lạnh là vòi có khoang pha trộn lưu chất
683	Van điện từ bằng nhựa	84818099	84818063	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
684	Van nước điện từ của lò nung công nghiệp bằng nhựa	84818099	84818063	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
685	Vòi nước bằng inox dùng cho chậu rửa mặt có chức năng nóng lạnh	84818099	73249099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
686	Đầu vòi xịt bằng hợp kim thép, nhựa (bộ phận dùng cho van)	84819090	84819029	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
687	Lõi van, dạng cánh quạt, bộ phận của van khí nén	84819090	84819029	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
688	Tay cầm vòi xịt bằng hợp kim thép, nhựa (bộ phận dùng cho van)	84819090	84819029	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
689	Thân của valve đóng mở, bằng thép, bộ phận của van	84819090	84819023	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
690	Đế van	84819090	84819029	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
691	Bi dùng để chặn hơi bằng thép -209-0073 Steel ball - PN.70456800- Model MP2264B (phụ tùng thay thế của dụng cụ vận vít hoạt động bằng khí nén, mới 100%)	84829100	73261900	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
692	Bi nhựa dùng để kiểm tra chất lượng sản phẩm sứ vệ sinh sau khi ra lò nung	84829900	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
693	Trục các đăng	84831027	87089970	Mặt hàng là trục truyền động trong xe ô tô khai báo vào mã số 84831027 để hưởng thuế suất thấp là 3%, tuy nhiên theo chú giải 1(1) Phần XVI, 1(e) Phần XVII, mặt hàng phân loại vào mã số 87089970, thuế NK ưu đãi 15%
694	Bạc đạn	84832090	84821000	Khai báo vào bộ phận của máy móc tại dòng hàng 84832090
695	Trục truyền động dùng cho máy ép thủy lực	84833090	84831090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
696	Khớp nối trục các đăng dùng cho máy cán thép	84836000	84831090	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
697	Khớp nối trục cardan dùng cho động cơ giá cán thép	84836000	84831090	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
698	Bánh răng, hộp số, bộ ly hợp và các thiết bị truyền động khác và phụ tùng của chúng dùng cho xe máy	84834040	87141040	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp

699	Khớp nối vòi phun	84836000	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
700	Đổi trọng 1130 (Linh kiện động cơ diesel	84836000	84099979	DN khai sai mã số
701	Nhông tải xe máy dùng cho xe 2 bánh dung tích (100-125)cm ³ , mới 100%	84839094	87141040	Khai sai mã số hàng hóa
702	Thiết bị dẫn động cho van điện	8483	8501	Bản chất là động cơ điện ((mã 8 số phụ thuộc theo công suất động cơ)
703	Đệm lót (thép)	84841000	73269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
704	Vòng đệm kim loại	84841000	73182200	Khai báo tên hàng không rõ ràng rồi áp mã có TS thấp hơn
705	Mô tơ hộp số dùng trong băng truyền, 1,5KW 200V, hàng mới 100%	85015229	85012029	DN không khai báo đầy đủ thông tin để hưởng thuế suất thấp hơn,
706	Tổ máy phát điện	85016220	85021220	Khai báo sai tên hàng thành máy phát điện mã số 85016220
707	Động cơ điện có gắn đèn chiếu sáng	85021100	94054060	Mặt hàng dễ nhầm lẫn
708	Cuộn dây Stato (hàng dự phòng cho máy phát)	85030090	74081900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
709	Nêm (hàng dự phòng cho máy phát)	85030090	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
710	Nhiệt điện trở (hàng dự phòng cho máy phát)	85030090	85168090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
711	Nút chuyển (hàng dự phòng cho hệ thống bảo vệ, đo lường và tín hiệu)	85030090	85365099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
712	Máy biến áp, biến dòng với công suất định danh không quá 5KVA	85043111 85043121 85043122	85042111 85042119	Không Khai báo rõ đặc điểm nên dễ lẫn với máy biến áp, biến dòng dùng điện môi lỏng có công suất định danh không quá 5KVA, lẫn với các dòng hàng 85043111, 85043121, 85043122
713	Biến thế điện tử 30W, 220V, dùng cho bóng LED	85044019	85043199	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
714	Dây nguồn dùng cho đèn led	85044019 85444219	85444299	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
715	Trọn bộ bình ắc quy được đóng gói kín để lưu trữ dài hạn	85049049	85072098	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
716	Mặt hàng Pin mangan.	85068010	85061010	Khai sai mã số
717	Ắc quy a xít chì dùng cho xe đạp điện, điện 48V - 12AH, hiệu chữ trung quốc, mới 100%	85072097 85072098 85072099	85072094 85072095 85072096	Khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp (bản chất mặt hàng có điện áp danh định 6V hoặc 12V)
718	Tủ chứa bình điện	85078090	85389019	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
719	Bình điện ắc quy khô	85078090	85072094 85072096	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

720	Robot hút bụi, lau nhà, hoạt động bằng pin điện 18V, c/s 37W, dung tích ngăn đựng rác 0,7 lít phần mềm tự động lập trình đường đi.	85086000	85081100	Khai báo sai mã số HS để được hưởng mức thuế suất thấp hơn.
721	Bình chứa (bộ phận của máy làm lạnh nước ép trái cây)	85099090	39233090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
722	Lưỡi dao của máy xay trộn thực phẩm	85099090	82083000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
723	Tấm phản quang 2FC-H5111-00	85129020	87141090	Mã số khai báo đưa về bộ phận của thiết bị chiếu sáng
724	Đèn pin	85131030	85131090	Khai báo không đầy đủ, sai bản chất mặt hàng (đèn pin cầm tay, đèn đeo đầu, đèn du lịch) nhưng áp mã số vào "đèn thợ mỏ", "đèn thợ khai thác đá" có thuế suất 0%
725	Vật liệu chịu lửa	85142090	69029000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
726	Băng đai tải - băng vật liệu dệt	85143090	59100000	Dùng trong dây truyền công nghệ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc thiết bị có thuế suất của dòng hàng 85143090
727	Bình đun siêu tốc inox	85161011 85161019	85167910	Khai báo sai chủng loại với dòng hàng 85161011, 85161019
728	Bình nấu nước kiểu nằm	85161011 85161019	85167910	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
729	Nồi nấu canh bằng điện	85166010	85166090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
730	Ấm đun nước siêu tốc	85161011 85161019	85167910	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
731	Đèn hâm nóng có chức năng hâm nóng	85166090	85168030	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
732	Máy nướng bánh mì (toasters)	85167990	85167200	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
733	Điện trở gia nhiệt (dùng để đun nước nóng)	85168090	85168030	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
734	Giỏ trung mỳ của bếp nhôm	85169030	73269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
735	Bộ dụng cụ làm bánh crepe dùng cán bột	85169090	82100000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
736	Bộ phụ kiện hay bộ phận của điện thoại di động	85177021 85423100 85423200 85423300 85423900	39269099	Khai báo bộ phụ kiện để hưởng thuế suất thấp
737	Bộ micro không dây	85176210	85181019	Khai sai mã hàng hóa (nhóm 8517) theo hướng dẫn của TCHQ trước đây nhằm hưởng mức thuế suất thấp
738	Bộ dây kết nối mạng nội bộ	85177099	85442011	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
739	Dây tín hiệu của máy chiếu	85177099	85442011	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

2/4

740	Loa kéo di động, hoạt động bằng điện	85182190	85185090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
741	Thiết bị điều phối âm thanh loại bàn LK EF-1202-220V	85198990	85184090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
742	Thiết bị điều tiết âm lượng microphone LK M802-220V	85198990	85184090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
743	Thiết bị xử lý âm lượng kỹ thuật số CLEO 3-6-220V	85198990	85184090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
744	Nhãn giấy chứa mạch tích hợp điện tử RFID - TGOST9H00W	85235929	48119099	Mặt hàng là tấm giấy hình chữ nhật kích cỡ (32 x 46)cm, một mặt được in với 24 ô chữ nhật màu trắng, mặt đối diện không in, dùng dán lên mặt sau của tấm giấy làm thẻ thông minh loại paper hangtag (with RFID security tag) tên thương mại: <u>paper of hangtag</u>
745	Camera lùi dùng cho xe ô tô	85258039 85258059	85258040	Bán chất mặt hàng là loại camera thu nhận hình ảnh để truyền vào màn hình điều khiển, không có chức năng ghi và lưu trữ hình ảnh, dữ liệu được truyền vào một đầu thu sau khi thu được hình ảnh. DN cố tình khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
746	Camera truyền hình	85258051 85258059 85258039	85258040	Khai báo sai chủng loại với camera quan sát mã số 85258050 và camera ghi hình ảnh mã số 85258039
747	Màn hình	85284200 85285200	85284910 85284920 85285910 85285920	Khai sai mục đích sử dụng (loại chỉ sử dụng hay chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu tự động) nhằm hưởng mức thuế suất thấp
748	Modul led phát quang full color (p6, p10, p20, p16) dùng để lắp ghép bảng chỉ báo, kích thước mỗi chiều không quá 38,4cm, hiệu chữ Trung Quốc	85285200	85285910	Khai báo sai đặc điểm, tính năng hoạt động của hàng hóa, lẫn với các mặt hàng không thể hoạt động độc lập nếu không kết nối với thiết bị xử lý dữ liệu tự động tại các dòng hàng 85285200
749	Màn hình Led 42"	85285200	85285910	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
750	Máy chiếu	85286200	85286910	Khai sai mục đích sử dụng (loại chỉ sử dụng hay chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu tự động) nhằm hưởng mức thuế suất thấp
751	Màn hình	85284200 85285200	85284910 85284920 85285910 85285920	Khai sai mục đích sử dụng (loại chỉ sử dụng hay chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu tự động) nhằm hưởng mức thuế suất thấp
752	Máy chiếu thẳng, model P1250B, công nghệ DLP 0.55 ChipdarkChip TM 3 DMD 3, công suất 195W.	85286990	85286910	Không khai báo công suất chiếu lên màn ảnh để áp mức thuế suất thấp.

753	Máy chiếu thẳng, model P1250B, công nghệ DLP 0.55 ChipdarkChip TM 3 DMD 3, công suất 195W.	85286990	85286910	Không khai báo công suất chiếu lên màn ảnh để áp mức thuế suất thấp.
754	Bo nguồn	85299053	85299091	DN khai sai mã số
755	Bảng mạch điện tử đã lắp ráp dùng cho máy thu truyền hình	85299091	85299054	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp, mã số 85299091 có thuế suất nk ưu đãi 3%, mã số 85299054 có thuế suất nk ưu đãi 5%
756	Thiết bị điều phối âm thanh 16 công loại bàn	85299099	85184040	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
757	Tấm panel màn hình	85299091	85299094	Lợi dụng việc khai báo không rõ ràng về tên hàng
758	Cổng rào chắn barie bằng kim loại	85309000	73089099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
759	Màn hình quảng cáo hoặc màn hình LCD	85312000	8528	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
760	Tủ điều khiển chữa cháy, bao gồm: Tấm mạch in hiển thị báo cháy; Tấm mạch in tám ngõ (SP8X)	85312000	85371019	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
761	Điện trở máy hàn Arctroniv 426	85334000	85168090	DN khai báo không đầy đủ thông tin mặt hàng, để hưởng thuế suất thấp hơn,
762	Mạch in phế liệu (phế liệu bavaria thái có đồng được loại ra từ quá trình sản xuất, tỷ lệ tạp chất trong mỗi lô hàng không quá 5%khối lượng)	85340090	39159000	Mặt hàng là Phế liệu, mảnh vụn của plastic, được thải ra từ quá trình sản xuất mạch in, có thành phần chủ yếu là polyester, phenoxy resin và một lượng nhỏ đồng (nhỏ hơn 5% tính theo trọng lượng)
763	Thiết bị đóng ngắt mạch điện	85352110 85352190 85352910 85352990	85353011 85353019 85353020 85353090	Để lẫn với mặt hàng Bộ ngắt mạch điện tự động nhóm 853521,853529
764	Bộ chuyển đổi điện (hàng dự phòng cho tuốc bin, máy phát và van)	85365059	85043199	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
765	Nút bấm phòng nổ ký hiệu BZA1-5/36-2 của máng cào SGB420/30A dùng trong mỏ hầm lò, điện áp định mức: 36V, dòng điện định mức 5A. Hàng mới 100% do TQSX	85365051 85365033	85365099	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
766	Hộp đấu nối dây điện, dòng điện dưới 1A	85369012	85369022	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
767	Kẹp cực đấu nối chống sét van 24kV và thanh đồng	85369019	76169990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
768	Kẹp cực đấu nối mối nối đồng và thanh đồng	85369019	76169990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
769	Kẹp đỡ thanh đồng	85369019	76169990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

770	Mối nối đồng	85369019	74071040	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
771	Bộ định giờ (linh kiện cho lò nướng đối lưu Roller Grill)	85371013	91070000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
772	Đèn chiếu sâu	85392291 85392292 85392293 85392299	94054020	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
773	Bóng đèn LED sợi quang	85392299	85395000	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Bản chất mặt hàng là bóng đèn bên trong có những sợi led nhìn giống sợi dây tóc của bóng đèn dây tóc.
774	Đèn tín hiệu (hàng dự phòng cho hệ thống bảo vệ, đo lường và tín hiệu)	85392949	94054099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
775	Đèn tiết kiệm năng lượng	85393190	94051099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
776	Bóng đèn halogen, không có sợi đốt, để phát sáng cho camera dùng trong máy kiểm tra chai rỗng	85393200	90066900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
777	Ống huỳnh quang dùng cho đèn huỳnh quang com-pắc	85393990	85393910	Lợi dụng việc khai báo không rõ ràng về tên hàng
778	Đèn LED	85395000	9405	Doanh nghiệp cố tình khai báo sai lệch tên hàng hóa, áp và mã số có thuế suất thấp Thực tế hàng hóa NK là Bộ đèn LED có cấu tạo gồm khung vỏ, giắc cắm nguồn điện, chỉnh lưu, các đi ốt phát quang (LED), móc treo, dùng để treo trần nhà, treo tường
779	Hệ thống điều khiển từ xa	85437020	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
780	Vang cơ, vang số	85437090	85189090	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
781	Dây điện bằng đồng, 1 lõi, có bọc cách điện PVC, điện áp 400V, chưa gắn đầu nối	85441190	85441120	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
782	Cáp điện tàu thủy đã gắn đầu nối, cáp điện bằng nhựa plastic, dùng cho điện áp 0,6 đến 1KV	85444213 85444219	85444297 85444298 85444299	Khai báo sai chủng loại với Cáp dùng cho viễn thông
783	Dây cáp điện dùng cho sạc pin điện thoại di động, đã gắn đầu nối dài (1-1,2)cm, đường kính dây 03mm, điện áp 220V, hiệu Yoobao, mới 100%	85444299	85444294 85444295	DN không khai báo đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
784	Dây dẫn dùng cho cặp nhiệt điện (Thermocouple), chưa lắp với đầu nối điện, điện áp không quá 80 V	85444913	85444929	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp
785	Đầu nối nguồn led dây, hiệu OSRAM	85444299	85369099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

786	Công tắc kiểm soát áp suất dùng trong máy ép thủy lực	85362019	85365099 85364990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
787	Bộ ngắt mạch tự động, loại hộp đúc	85362019	85362011 85362012 85362013	Khai báo sai đặc điểm hàng hóa (trên 1000A)
788	Cầu chì điện dùng cho hệ thống tàu lượn	85365099	85361092 85361099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
789	Bộ công tắc điều chỉnh độ sáng của bóng đèn	85365099	85365061	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
790	Công tắc điện	85365099	85365069	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
791	Ổ cắm 6gate-10A 6A	85365099	85366992	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
792	Nút công tắc	85365099	85389019	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
793	Vỏ công tắc bằng nhựa dùng cho máy hàn hồ quang điện 15A-220V, kích thước (2x75)cm, hiệu chữ trung quốc, mới 100 %	85365099	39269099	Khai báo sai tên hàng, chủng loại để hưởng thuế suất thấp hơn
794	Bảng điều khiển loại khác	85371012	85371019	Khai báo sai chủng loại hàng hóa với bảng điều khiển trang bị bộ lập trình mã số 85371012
795	Bảng điều khiển điện tử dùng trong truyền động, hoạt động bằng điện	85371012	85371019	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
796	Tủ điện	85371019	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
797	Tủ máy chuyên dụng	85371019	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
798	Tủ điều khiển	85371020	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
799	Tủ máy âm ly	85371020	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
800	Tủ máy 220V	85371020	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
801	Hộp điều khiển dùng cho máy công cụ (máy phay, bào, mài...) điện áp dưới 1000v	85371092	85371099	DN khai báo không đầy đủ thông tin mặt hàng, để hưởng thuế suất thấp hơn,
802	Giá treo máy chiếu cố định	85371099	83025000	Doanh nghiệp khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
803	Bảng điều khiển cho cần cầu XCMG hiệu Hirschman	85381029	85371019	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc thiết bị, mã số 85381029
804	Bóng đèn phóng phát sáng LED	85414010	85395000	Khai báo sai tên hàng với đi ốt phát sáng mã số 85414010
805	Bảng mạch đã hàn các đi ốt	85414010	94059950 94059990	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp

806	CARD BCONDBE REGOLATION FOR, Card điều khiển motor, mạch điện tử tích hợp, phụ tùng thay thế máy cán thép, nhà máy thép Pomina. Hàng mới 100%	85423100	85371090	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
807	Bộ điều khiển tăng áp nhiên liệu	85437090	85118020	Khai báo sai mã HS và chức năng sử dụng
808	Đèn chống côn trùng	85437090	94054099	DN khai sai mã số
809	Bo mạch điều khiển- linh kiện, phụ tùng máy dệt	85423900	85371019	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
810	Cáp tín hiệu HDMI, VGA	85444229	85444299	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
811	Cáp (bộ phận của máy in gạch) code 3816TF3310 mới 100%	85444941	85444294 85444295	DN không khai báo đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
812	Cáp dẫn tín hiệu của máy in code 3816TF3305 mới 100%	85444941	85444294 85444295	DN không khai báo đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
813	Cáp cho hộp điều khiển đầu in Cáp kết nối dùng cho máy in gạch code A800763 mới 100%	85444941	85444294 85444295	DN không khai báo đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
814	cáp nguồn 12V code A800147 bộ phận của máy in gạch mới 100%	85444941	85444294 85444295	DN không khai báo đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
815	Cáp nguồn 24V code A800148 bộ phận của máy in gạch mới 100%	85444941	85444294 85444295	DN không khai báo đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
816	Vải dệt thoi từ sợi multiflament thủy tinh, chưa thấm tẩm, chưa tráng phủ, dạng cuộn khổ rộng 20mm	85461000	70195100	Khai báo sai mục đích sử dụng, công dụng (phụ kiện, vật tư cách điện) để hưởng thuế suất 0%
817	Vật cách điện, dùng cho đầu nối máy biến áp	85462010	85462090	Doanh nghiệp lợi dụng thay đổi thuế suất của các dòng hàng để khai thuế suất thấp
818	Sứ đỡ cách điện 22kV	85469000	85462010	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
819	Tấm cách điện bằng nhựa, phụ kiện cách điện bằng nhựa	85472000	39269099 39269099 3920 3921	Khai báo phụ kiện cách điện bằng nhựa: theo công dụng hàng hóa Nhưng đây là tấm cách điện làm bằng nhựa nên được áp vào sản phẩm bằng nhựa
820	Phụ kiện cách điện bằng plastic (Yeonho 100 mm 20 pin)	85472000	85389012 85389020	DN khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
821	Ống cách điện bằng plastic	85479090	391732 391739	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp

822	Xe ô tô con	87032445 87032451 87034067 87034077 87036067 87036077	87032449 87032459 87034068 87034087 87036068 87036087	Khai báo sai bản chất mặt hàng thành loại "bốn bánh chủ động" để hưởng thuế suất thấp
823	Xe kéo đẩy máy bay	87059090	87019190 87019290 87019390 87019490 87019590	Bản chất mặt hàng là xe kéo, DN khai là xe chuyên dụng để hưởng thuế suất thấp
824	Xe chuyên dụng vận chuyển suất ăn phục vụ trong sân bay	87059090	87042259	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
825	Hộp số cho ô tô tải	87084013	98457400	Không khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương trước
826	Phụ tùng ô tô cho xe tải 550 kg. Dây ga 2m - 3m, Dây truyền số, Dây tắt máy	87084099	87089980	DN khai sai mã số
827	Đùm cầu (cầu chủ động) đã lắp ráp hoàn chỉnh	87085013	87085027	Bản chất mặt hàng là cầu đã lắp ráp hoàn chỉnh nhưng DN khai báo vào mã số mặt hàng chưa lắp ráp hoàn chỉnh để hưởng thuế suất thấp hơn
828	Thanh sắt đầu tựa ghế xe hơi (14*114*324)cm (dùng cho xe tải nhỏ) JD	87089999	94019039	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
829	Xe vận chuyển dùng trong sân gôn	87091900	87041031	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
830	Xe mô tô địa hình 04 bánh lốp đi trên bờ bãi biển	87112011 87112091	87113011 87113019	DN không cung cấp đầy đủ thông tin mặt hàng (dung tích xi lanh) để hưởng thuế suất thấp
831	xe máy dạng CKD, dung tích xi lanh 49cc	87141010 87141020 87141090	87111019	Danh nghiệp khai vào các mã linh kiện, phụ kiện xe máy để được hưởng mức thuế suất thấp hơn (từ 75% xuống còn 32-35%)
832	Xe đạp đua Xe đạp, Xe đạp trẻ em	87120010	87120020 87120030 87120090	Khai báo chung là xe đạp hoặc xe đạp đua và áp mã HS vào nhóm xe đạp đua có thuế suất thuế NK 5% nhưng không khai đầy đủ các thông số kỹ thuật của xe đạp đua theo công văn số 1450/BVHTTDL-KHTC ngày 22/4/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
833	Túi khí bằng cao su dùng để hạ thủy tàu	89079090	40169500	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (phao nổi)
834	Tấm hướng ánh sáng	90019090	85299091	DN khai sai mã số
835	Gương cầu lồi bằng sắt mạ có phản quang dùng trong giao thông đường bộ	90029090	83063091	Mô tả hàng hóa không rõ ràng, khai sai mã số
836	Máy chiếu projector; máy chiếu có công suất màn chiếu từ 300 inch trở lên	90085010	85286910 85286200	Khai báo sai chủng loại (không Khai báo rõ model hoặc Khai báo sai công suất màn chiếu), lẫn với dòng hàng 90085010

837	Tấm tinh thể lỏng trong bộ phận hiển thị hình ảnh	90139050	85299091	DN khai sai mã số
838	Vỏ mặt sau màn hình	90139050	85299091	DN khai sai mã số
839	Khăn phủ dùng cho phẫu thuật nha khoa, dụng cụ khám răng	90184900	48119099	Mặt hàng là giấy dùng cho nha khoa, một mặt đã nhuộm màu
840	Túi đựng dụng cụ để hấp diệt khuẩn, dụng cụ trám răng	90184900	48195000	Mặt hàng là bao bì dùng trong xử lý tiệt trùng các dụng cụ y tế, túi dạng đã đóng gói bán lẻ
841	Đĩa petri tiệt trùng dùng trong phòng thí nghiệm	90189090	39269039	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
842	Máy xông hơi khô	90191090	85162900	Dn nhầm lẫn bản chất của hàng hóa là "thiết bị trị liệu"
843	Máy rửa mặt	90191010	85098090	DN khai tên hàng là máy rửa mặt nhưng lại áp mã của máy xoa bóp để hưởng thuế suất thuế NK 0%
844	Thiết bị massage được tích hợp thêm một số chức năng như làm nóng, làm mát	90191010 90191090	94017100 94018000 94049090	DN khai sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp
845	Bảng mạch điều khiển tín hiệu vào của thiết bị phát hiện rò rỉ khí	90261030	85371019	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc thiết bị, mã số 90261030
846	Dụng cụ đo lưu lượng nước không hoạt động bằng điện	90262040	90261040	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
847	Thiết bị cân chỉnh đĩa phanh ô tô dùng trong gara ô tô	90311010	84581910 84589910	Khai sai không đầy đủ tên hàng nhằm hưởng mức thuế suất thấp
848	Bàn xoay để kiểm tra nệm hoạt động bằng khí nén - LIFT AND ROTATE INSPECTION TABLE, mới 100%	90312020	94032090	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
849	Van điều chỉnh lưu lượng gió	90328939	84818099	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa
850	Cảm biến siêu âm	90328939	85129020	Khai báo sai mã HS và chức năng sử dụng
851	Ghế các loại đồng bộ tháo rời		94011000 94012010 94012090 94013000 94014000	Khai sai bản chất hàng hóa, là bộ phận, phụ tùng nhưng bản chất là đồng bộ hoặc đã mang đặc trưng cơ bản của sản phẩm nguyên chiếc
852	Đồng hồ hẹn giờ hoạt động bằng pin	91059190	91059990	DN khai sai mã số
853	Tủ đầu giường	94029010 94029020 94029090	94032090 94035000 94036090 94037090 94038990	Bản chất mặt hàng là tủ đầu giường DN khai là đồ nội thất thiết kế đặc biệt dùng trong ngành y để hưởng thuế suất thấp,
854	Bàn tròn/vuông/chữ nhật, mặt bàn bọc giả da, khung thép	94032090	94031000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

50

855	Bàn tròn có khung bằng nhôm	94032090	94031000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
856	Bàn mặt gương khung bằng sắt	94032090	94038990	DN khai sai mã số
857	Bóng đèn rọi xe máy sử dụng đèn led 6-10W, 24V	94054040	85122091	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
858	Bóng đèn xe máy	94054091	85122091	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
859	Phụ kiện thanh nẹp bằng kim loại cho led dây	94054099	94059990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
860	Máng đèn dùng cho bộ đèn led, không bao gồm bộ điện và bóng	94054099	94059290	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
861	Ống co nhiệt dùng để xử lý chống thấm cho bộ đèn led	94059290	39173299	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
862	Kho lạnh (không có chức năng làm đá)	94069040 94069090	84185099	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
863	Trò chơi "LIFE IS A HIGHWAY" - hệ thống trò chơi ngoài trời của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
864	Trò chơi "Foam Play Structure (Gunge)" - hệ thống trò chơi của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
865	Trò chơi "Cuckoo-Ka-Choo-Choo" - hệ thống trò chơi của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
866	Trò chơi "Monstars of rock" - hệ thống trò chơi của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
867	Trò chơi Chuồng Ngựa "Carnaby" - hệ thống trò chơi ngoài trời của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
868	Súng săn ngắn nòng	93032090	93032010	Khai sai sang loại súng săn loại khác để hưởng mức thuế suất thấp
869	Súng trường săn	93033090	93033010	Khai sai sang loại súng săn loại khác để hưởng mức thuế suất thấp
870	Tủ đầu giường bằng nhựa, có bánh lăn model BT159	94029090	94037090	Khai không đúng tên hàng, sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
871	Ghế kim loại có đệm bọc vải chống cháy	94031000	94017100	DN khai sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp
872	Tủ máy bằng sắt	94032090	85381019	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

873	Khung giường bằng sắt	94032090	94039090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
874	Bồn tắm bằng nhựa	94037090	39221011 39221019	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
875	Nệm ghế sofa có vỏ bọc bằng da	94049090	94042990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
876	Đèn chùm chiếu sáng	94052090	94051099	Doanh nghiệp khai sai bản chất nhằm hưởng thuế suất thấp
877	Đèn LED chiếu sáng	94052090	94051099	Doanh nghiệp khai sai bản chất nhằm hưởng thuế suất thấp
878	Đèn tường chiếu sáng	94052090	94051099	Doanh nghiệp khai sai bản chất nhằm hưởng thuế suất thấp
879	Đèn led	94054099	94054060 94051099	Doanh nghiệp khai sai bản chất nhằm hưởng thuế suất thấp
880	Chao đèn bằng thủy tinh dạng hình cầu	94059190	94059140	Khai sai hình dạng để hưởng mức thuế suất chênh lệch
881	Chụp đèn	94059290	94059920	Doanh nghiệp khai chất liệu bằng nhựa để hưởng thuế suất thấp
882	Đồ lắp ráp trẻ em bằng nhựa	95030040	95030091	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
883	Bể bơm hơi ngoài trời làm bằng nhựa	95069990	39221019	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn
884	Bộ gương lược bỏ túi bằng kim loại	96151900	70099200	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
885	Lọ xịt nước rửa tay	96161010	34013000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
886	Bông tẩy trang	96162000	56012100	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
887	Động cơ diesel, dung tích xi lanh không quá 2000 cc	98120010	84082021	Khai báo đặc điểm của hàng hoá là "công suất trên 60 KW" để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9812
888	Động cơ diesel, dung tích xi lanh trên 2000 cc nhưng không quá 3500 cc	98120010	84082022	Khai báo đặc điểm của hàng hoá là "công suất trên 60 KW" để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9812
889	Động cơ diesel, dung tích xi lanh trên 3500 cc	98120010	84082023	Khai báo đặc điểm của hàng hoá là "công suất trên 60 KW" để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9812
890	Khung đèn và các bộ phận khác của đèn	98160000	94059950 94059990	Khai báo sai mục đích sử dụng của hàng hoá (dùng cho đèn thợ mỏ hoặc thợ Khai báo thác đá) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
891	Khoan các loại	98172000	84672100	Khai báo sai mục đích sử dụng của hàng hoá (để phòng cháy nổ, sử dụng trong hầm lò) để hưởng thuế suất thấp
892	Các loại biến áp thích ứng	98173010	85043311 85043414 85043411 85043422	Khai báo sai chủng loại và đặc điểm của hàng hoá (biến thế khô, trạm biến áp khô trọn bộ đi động, phòng nổ trong hầm lò, loại có công suất danh định trên 16 kVA và có điện áp tối đa từ 66 kV trở lên; dùng trong hầm lò) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98

893	Các loại biến áp khác	98173090	85043319 85043413 85043416 85043424	Khai báo sai chủng loại và đặc điểm của hàng hoá (biến thế khô, trạm biến áp khô trọn bộ đi động, phòng nổ trong hầm lò, loại có công suất danh định trên 16 kVA và có điện áp tối đa từ 66 kV trở lên; dùng trong hầm lò) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
894	Ốc vít	98181310	73181510 73181590	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (bằng thép, INOX 304, ren tiêu chuẩn 1, mạ chống rỉ, đường kính dưới 14 mm)
895	Thiết bị làm nóng không khí và bộ phận phân phối khí nóng (kể cả loại có khả năng phân phối không khí tự nhiên hoặc khí điều hoà), không sử dụng năng lượng điện, có lắp quạt chạy bằng mô tơ hoặc quạt gió, và bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép	98181500	73229000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
896	Các sản phẩm đúc khác, bằng sắt hoặc thép, trừ loại bằng gang không dẻo	98181600	73259990	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe)
897	Cơ cấu đóng cửa tự động	98181700	83026000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
898	Thiết bị làm lạnh hoặc đông lạnh khác, trừ: thiết bị làm lạnh đồ uống, nước uống, thiết bị làm lạnh nước có công suất trên 21,10kW và thiết bị sản xuất đá vảy	98182300	84186990	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
899	Van an toàn hay van xả	98182690	84814090	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
900	Ổ đĩa côn, kể cả cụm linh kiện vành côn và đĩa côn	98182700	84822000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
901	Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên khác	98182800	84831090	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
902	Bộ bánh răng và cụm bánh răng ăn khớp khác, (trừ bánh xe có răng, đĩa xích và các bộ phận truyền chuyển động ở dạng riêng biệt; vít bi hoặc vít đĩa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn)	98182900	84834090	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98

903	Đệm và gioăng tương tự làm bằng tấm kim loại mỏng kết hợp với các vật liệu đệm khác hoặc bằng hai hay nhiều lớp kim loại	98183000	84841000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
904	Tổ máy phát điện với động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện, công suất trên 100 KVA nhưng không quá 10000 KVA	98183100	85022030	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
905	Bộ phận, kể cả tấm mạch in đã lắp ráp của phích cắm điện thoại; đầu nối và các bộ phận dùng để nối cho dây và cáp; đầu dò đệm dưới dạng miếng lát nhiều lớp (wafer prober), dùng cho điện áp không quá 1000V	98183200	85389011	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe)
906	Động cơ diesel, dùng cho xe thuộc phân nhóm 870110	98120010 98120090	84082010 84082093	Khai báo đặc điểm của hàng hoá là "công suất trên 60 KW" để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9812
907	Các sản phẩm bằng cao su xốp	98181110 98181190	40169953 40169959	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
908	Sắt hoặc thép không hợp kim dạng hình chữ U hoặc chữ I, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80 mm trở lên	98181211 98181219 98181299	72163110 72163190 72163290	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
909	Vít, bu lông, đai ốc, vít đầu vuông, vít treo, đinh tán, chốt hãm, chốt định vị, vòng đệm (kể cả vòng đệm vênh) và các sản phẩm tương tự	98181310 98181390	73181510 73181590 73182400	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
910	Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép	98181410 98181490	73201090 73202090	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
911	Các bộ phận chi dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ khác thuộc nhóm 8407 hoặc 8408, (trừ: loại dùng cho động cơ của máy thuộc nhóm 8429, 8430; loại dùng cho động cơ của xe thuộc nhóm 8701, 8711 và xe khác thuộc chương 87; loại dùng cho động cơ của tàu thuyền thuộc chương 89)	98181910 98181920 98181930 98181940 98181950 98181960 98181970 98181990	84099971 84099972 84099973 84099974 84099975 84099976 84099977 84099979	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818

912	Bơm chất lỏng, không lắp dụng cụ đo lường:	98182010 98182029 98182029 98182031 98182039 98182090	84132010 84133051 84133052 84133090 84137011 84137019 84139130	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
913	Quạt khác có công suất trên 125kW, (trừ quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái), có động cơ điện gắn liền với công suất không quá 125 W:	98182110 98182121 98182129	84145950 84145991 84145999	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
914	Máy điều hoà không khí, sử dụng cho xe chạy trên đường ray:	98182211 98182219 98182220	84158121 84158129 84158229	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
915	Bộ phận trao đổi nhiệt, trừ tháp làm mát	98182410 98182490	84195091 84195092	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
916	Bộ linh kiện sản xuất xe có động cơ dùng để vận tải hàng hoá	98213014 98213015 98213025 98213026 98213035 98213036	87041034 87041035 87042329 87042366 87042369 87043269 87043286 87043289	Khai báo sai đặc điểm, mục đích sử dụng (Bộ linh kiện rời để sản xuất, lắp ráp ô tô) để hưởng thuế suất chương 98
917	Bộ linh kiện sản xuất xe có động cơ dùng để vận tải hàng hoá	98213014 98213015 98213025 98213026 98213035 98213036	87041034 87041035 87042329 87042366 87042369 87043269 87043286 87043289	Khai báo sai đặc điểm, mục đích sử dụng (Bộ linh kiện rời để sản xuất, lắp ráp ô tô) để hưởng thuế suất chương 98
918	Chổi than	98183300	85452000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
919	Xe thiết kế chờ tiền	98230000	87059090	Các loại xe có thiết kế không dùng chờ tiền được Khai báo là xe thiết kế chờ tiền để hưởng thuế suất thấp chương 98
920	Vải mảnh dùng làm lớp từ sợi ni lông 6	98260000	59021091	Khai báo sai chủng loại hàng hóa (Vải mảnh nylon 1680D/2 và 1890 D/2) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
921	Dây đồng có đường kính dưới 6mm hoặc trên 8mm	98300000	74081110	Khai báo sai đặc điểm hàng hóa (Dây đồng có kích thước mặt cắt ngang tối đa trên 6mm nhưng không quá 8mm) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98

922	Xe cần cầu thủy lực: Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)	98321000	87042129 87042229 87042251 87042259 87042329	Khai báo sai chủng loại, đặc điểm hàng hóa (Xe cần cầu thủy lực, loại động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
923	Xe cần cầu thủy lực: Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện	98329000	87043129 87043229 87043248 87043249 87043269	Khai báo sai chủng loại, đặc điểm hàng hóa (Xe cần cầu thủy lực, loại động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
924	Đồ nội thất bằng gỗ	98330000	94036090	Khai báo sai mục đích sử dụng (Bộ quần tử để làm thủ tục tại sân bay, nhà ga) để hưởng thuế suất thấp của chương 98
925	Bàn phím làm bằng cao su	98341100	40169999	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (Khắc lase, phủ PU, nhiệt độ chịu đựng 150 độ c, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất chương 98
926	Thiếc hàn dạng thanh	98341300	80030010	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (không chì, phù hợp với tiêu chuẩn RoHS) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
927	Mô tơ rung cho điện thoại	98341500	85011049	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (đường kính <30mm, công suất <05W, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
928	Mô tơ, công suất không quá 5W	98341600	85011029	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (công suất >5W, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
929	Cuộn biến áp dùng cho các thiết bị điện tử, viễn thông	98341700	85043193 85043199	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (công suất danh định nhỏ hơn 0,1 KVA; Dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
930	Pin lithium (dày >7mm, dài >100mm, rộng >100mm)	98341800	85065000	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (dày <7mm, dài <100mm, rộng <100mm), dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin
931	Màn hiển thị tinh thể có kích thước >=5 inch	98341900	85177032	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (kích thước >5inch), dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin
932	Phiến đầu nối và khối đầu nối cáp điện thoại	98342000	85369093	Khai báo sai mục đích sử dụng và chủng loại hàng hóa (đầu kết nối USB mini, sử dụng cho nạp pin và truyền dữ liệu từ điện thoại đến máy tính PC, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
933	Cầu chì dùng cho các thiết bị điện tử	98342100	85361012 85361092	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (có giới hạn dòng danh định không quá 1,5A, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98

934	Cầu chì bằng sứ loại RL5-1140V-660VAC	98342100	85361012 85361092	Không khai báo công dụng (nhóm hàng hóa phân loại theo mục đích sử dụng), điện áp (nhóm mặt hàng chi phân loại cho điện áp không quá 1000V), giới hạn dòng điện (loại dòng điện danh định không quá 16A hoặc loại dòng điện danh định > 16A); giữa mã đang áp và mã khác có sự chênh lệch về thuế suất
935	Rơ le	98342200	85364191 85364199	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm, chủng loại hàng hóa (bán dẫn/Rơle điện tử có điện áp không quá 28V, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin)
936	Đầu cắm tín hiệu hình, tiếng, đầu cắm đèn chân không dùng cho máy thu hình	98342300	85366923 85366924	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (có dòng điện nhỏ hơn hoặc bằng 1,5A, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin)
937	Đầu nối cáp	98342400	85369099	Khai báo sai mục đích sử dụng và chủng loại hàng hóa (Giắc cắm, đầu nối cổng nối USB, giắc mạng để nối dây dẫn tín hiệu, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp hơn tại chương 98
938	Dây cáp điện bọc plastic có đường kính lõi không quá 19,5 mm	98342500	85444294	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (đường kính lõi nhỏ hơn hoặc bằng 5mm, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
939	Cáp nối truyền dữ liệu	98342600	85444298	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (dạng dệt từ 2 sợi trở lên, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
940	Các loại cáp khác	98342700	85444929	Khai báo sai mục đích sử dụng và chủng loại hàng hóa (dùng cho máy thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
941	Thép không hợp kim dạng thanh và dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng, đường kính mặt cắt ngang hình tròn dưới 14mm	98391000	72139190	Doanh nghiệp khai báo vào chương 98 để hưởng thuế suất thấp, mặc dù bản chất mặt hàng không đáp ứng tcvn 1766:1975, tcvn 8996:2011
942	Thép không hợp kim dạng thanh và dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng, loại khác	98392000	72139990	Doanh nghiệp khai báo vào chương 98 để hưởng thuế suất thấp, mặc dù bản chất mặt hàng không đáp ứng tcvn 1766:1975, tcvn 8996:2011
943	Vải dệt được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép với plastic khác trừ loại với polyvinyl chlorit và polyurethan dùng làm lớp cốt cho vải tráng phủ cao su	98080010 98080090	59039010 59039090	Khai báo sai mục đích sử dụng (Dùng làm lớp cốt cho vải tráng phủ cao su) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98



Phụ lục IV
ANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU RỦI RO VỀ
THUẾ NHẬP KHẨU BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 583 /QĐ-TCHQ ngày 22/3/2019 của
Tổng cục Hải quan))

1. Thuế chống bán phá giá

STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Quyết định
1	72104111	Sản phẩm thép mạ (còn gọi là tôn mạ)	Trung Hoa (không bao gồm Hong Kong), Hàn Quốc	Quyết định số 1105/Q Đ-BCT ngày 30/3/2017; số 2754/Q Đ-BCT ngày 20/7/2017; số 539/Q Đ-BCT ngày 09/2/2018
	72104112			
	72104119			
	72104911			
	72104912			
	72104913			
	72104919			
	72105000			
	72106111			
	72106112			
	72106119			
	72106911			
	72106912			
	72106919			
	72109010			
	72109090			
	72123011			
	72123012			
	72123013			
	72123014			
	72123019			
	72123090			
	72125013			
	72125014			
	72125019			
	72125023			
72125024				
72125029				
72125093				
72125094				
72125099				
72126011				
72126012				
72126019				

	72126091			
	72126099			
	72259290			
	72269911			
	72269991			
2	72163311	Thép chữ H hợp kim hoặc không hợp kim có cấu trúc một thân bụng thẳng ở giữa cùng với hai cánh nằm ngang ở trên và dưới. Thép hình chữ H còn được biết đến như là "Dầm thép H", "Dầm thép W" hoặc thép dầm cánh rộng.	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (không bao gồm Hồng Kông)	Quyết định số 3283/QĐ-BCT ngày 21/8/2017; số 3299/QĐ-BCT ngày 24/8/2017; số 527/QĐ-BCT ngày 09/02/2018
	72163319			
	72163390			
	72287010			
	72287090			
3	72193200	Thép không gỉ cán nguội, ở dạng cuộn hoặc tấm với độ dày nhỏ hơn hoặc bằng 3.5mm, được ủ hoặc được xử lý nhiệt bằng phương pháp khác và ngâm hoặc được cạo gỉ để loại bỏ tạp chất dư thừa trên bề mặt của thép không gỉ. Những sản phẩm này có thể được tiếp tục xử lý (được cắt hoặc được xẻ) với điều kiện là quá trình đó không làm thay đổi các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm.	Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa Cộng hòa, Indonesia, Malaysia, Lãnh thổ Đài Loan	Quyết định số 7896/Q Đ-BCT ngày 05/9/2014
	72193300			
	72193400			
	72193500			
	72199000			
	72202010			
	72202090			
	72209010			
	72209090			

2. Thuế tự vệ

STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Quyết định
1	29224220	Bột ngọt (còn được gọi là mỳ chính)	Quyết định số 920/Q Đ-BCT ngày 10/3/2016
2	31051020	Sản phẩm phân bón DAP, MAP	Quyết định số 686/Q Đ-BCT ngày 02/03/2018
	31051090		
	31052000		
	31053000		
	31054000		
	31055100		
	31055900		
31059000			
	72071100	Phôi thép hợp kim và không hợp kim; Thép dải hợp kim và không hợp kim (bao gồm thép cuộn và thép thanh. (Lưu ý: mã 9811.00.00	Quyết định số 2968/Q Đ-BCT ngày 18/7/2016; số 538/Q Đ-BCT ngày 09/2/2018; số 4086/QĐ-BCT ngày 30/10/2018
	72071900		
	72072029		
	72072099		

3	72249000	chi áp dụng đối với hàng nhập khẩu được dẫn chiếu đến 3 mã HS gốc là 7224.90.00, 7227.90.00, 7228.30.10 và không áp dụng với hàng nhập khẩu được dẫn chiếu đến các mã HS gốc còn lại)	
	72131010		
	72131090		
	72139120		
	72142031		
	72142041		
	72279000		
	72283010		
	98110010		
4	72107011	Tên khoa học: Prepainted Aluminium-Zinc alloy coated steel sheet and strip (Thép mạ hợp kim nhôm-kẽm phủ sơn dạng cuộn và băng), Prepainted Galvanized steel sheet and strip (Thép mạ kẽm phủ sơn dạng cuộn và băng), Prepainted cold rolled steel sheet and strip (Thép cán nguội phủ sơn dạng cuộn và băng) Tên thông thường: Tôn màu hay còn gọi là tôn mạ màu	Quyết định Số 1931/Q Đ-BCT ngày 31/5/2017 và số 533/Q Đ-BCT ngày 09/02/2018
	72107019		
	72107091		
	72107099		
	72124011		
	72124012		
	72124019		
	72124091		
	72124092		
	72124099		
	72259990		
	72269919		
	72269999		



Phụ lục V

BẢN HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI HÀNG HÓA, ÁP DỤNG MỨC THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 583 /QĐ/TCHQ ngày 22 /3 /2019 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

I. Sử dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế (sau đây gọi là Danh mục rủi ro) khi thực hiện quyết định kiểm tra trong thực hiện thủ tục hải quan (luồng Vàng và luồng Đỏ):

1. Công chức hải quan đối chiếu thông tin tên hàng, mã số khai báo với thông tin của hàng hóa tại Danh mục rủi ro và xử lý như sau:

Trường hợp Tờ khai hải quan có tên hàng, mã số khai báo thuộc Danh mục rủi ro, đã thực hiện phân luồng Vàng hoặc Đỏ, công chức hải quan kiểm tra hồ sơ và cập nhật kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2. Trường hợp có nghi vấn doanh nghiệp khai báo tên hàng, mã số nguy trang nhưng chưa đủ cơ sở để xác định tên hàng, mã số hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro, công chức hải quan thông báo nội dung “nghi vấn tên hàng, mã số khai báo” và “yêu cầu người khai hải quan nộp bổ sung các chứng từ, tài liệu” có liên quan.

Trên cơ sở hồ sơ nộp bổ sung, nếu có đủ cơ sở xác định người khai hải quan khai không đúng mã số hàng hóa, công chức hải quan hướng dẫn người khai hải quan khai bổ sung theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế. Trường hợp người khai hải quan không nộp được chứng từ theo yêu cầu của cơ quan hải quan hoặc qua kiểm tra các chứng từ, cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở để xác định mã số hàng hóa, công chức đề xuất lấy mẫu phân tích, giám định hoặc báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định.

II. Sử dụng Danh mục rủi ro trong thực hiện kiểm tra sau thông quan:

Trường hợp tên hàng, mã số hàng hóa khai báo thuộc Danh mục rủi ro, được phân luồng Xanh: Công chức hải quan được giao nhiệm vụ tiến hành đánh giá rủi ro về mã số, mức thuế, trong đó lưu ý các thông tin rủi ro được nêu tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định, trên cơ sở đó thực hiện kiểm tra sau khi hàng hóa đã thông quan theo thẩm quyền của

Chi cục trưởng nơi làm thủ tục hải quan để làm rõ dấu hiệu nghi vấn, xử lý theo quy định và báo cáo hàng tháng một số tiêu chí sau:

- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng
- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế.
- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế đã được xử lý theo hướng dẫn tại Danh mục và công văn số 2119/TCHQ-TXNK ngày 30/3/2017 của Tổng cục Hải quan.

III. Tổ chức thu thập, phân tích các nguồn thông tin để đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục rủi ro:

1. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đề xuất thông tin xây dựng, sửa đổi, bổ sung Danh mục rủi ro như sau:

a) Trong quá trình kiểm tra tên hàng, mã số, mức thuế theo quy trình phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018, nếu mặt hàng không thuộc Danh mục rủi ro nhưng có tần suất khai báo sai tên hàng mã số, mức thuế lặp đi lặp lại nhiều lần, công chức hải quan ghi nhận từng trường hợp, tổng hợp nguồn thông tin cụ thể như sau:

- Có cùng tên hàng nhưng có mã số khai báo khác nhau;
- Đã được điều chỉnh mã số, mức thuế;
- Có kết quả phân loại, áp dụng mức thuế khác khai báo của doanh nghiệp;
- Có kết quả phân loại, áp dụng mức thuế khác khai báo và kiểm tra trong thông quan;
- Đã bị xử lý vi phạm về khai báo mã số và mức thuế;
- Thông tin hàng hóa từ Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành;
- Thông tin về điều kiện áp dụng Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt;
- Thông tin từ các văn bản hướng dẫn phân loại, áp dụng mức thuế của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan;
- Thông tin từ các Bộ, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kiến nghị về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế; ...

b) Trên cơ sở tổng hợp các nguồn thông tin nêu trên, định kỳ vào ngày 30 hàng tháng, các Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Cục Thuế xuất nhập khẩu) đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục rủi ro, cụ thể:

b.1) Bổ sung các mặt hàng mới nhập khẩu lần đầu hoặc các mặt hàng có công nghệ mới, chưa được quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế theo các phương thức, thủ đoạn, số lần vi phạm hoặc qua công tác nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị (báo cáo theo mẫu số 01, Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định).

b.2) Sửa đổi các mặt hàng tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế để phù hợp với tình hình thực tế đối với các mặt hàng chưa phù hợp hoặc thay đổi nguy trạng về tên hàng, mức thuế theo các phương thức, thủ đoạn vi phạm cũng như các biện pháp kiểm tra hoặc qua công tác nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị (báo cáo theo mẫu số 02, Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định).

2. Cục Kiểm định Hải quan, Cục Quản lý rủi ro, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Vụ Thanh tra - Kiểm tra:

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ, các đơn vị khi có thông tin liên quan đến công tác kiểm tra, xác định mã số hàng hóa, mức thuế, thông tin điều tra xác minh, thông tin giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp hoặc các đơn vị có liên quan thì tổng hợp gửi về Cục Thuế XNK bằng văn bản, đồng thời gửi hòm thư điện tử phongphanloai@customs.gov.vn vào ngày 30 hàng tháng kèm theo đề xuất, kiến nghị cụ thể.

b) Thông tin cung cấp phải rõ ràng, chính xác, đã được kiểm chứng kèm theo các chứng từ, tài liệu có liên quan theo Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định, gửi về Cục Thuế XNK bằng văn bản, đồng thời gửi hòm thư điện tử phongphanloai@customs.gov.vn để phản ánh kịp thời.

3. Cục Thuế xuất nhập khẩu:

a) Tiếp nhận, thẩm định báo cáo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 do các đơn vị gửi và xử lý như sau:

- Trả lại các đơn vị gửi đối với trường hợp báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 không đầy đủ các nguồn thông tin theo đúng hướng dẫn tại khoản 1 đối với mẫu số 01, mẫu số 02, khoản 2 đối với mẫu số 03 mục III Phụ lục này hoặc đủ nguồn thông tin nhưng thiếu dữ liệu gửi kèm trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin đề xuất bằng văn bản.

- Yêu cầu các đơn vị gửi bổ sung, thuyết minh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu đối với trường hợp cần giải thích làm rõ thêm các thông tin.

- Trả lại các đơn vị gửi và yêu cầu làm rõ trách nhiệm đối với trường hợp thông tin gửi kèm theo báo cáo không chính xác, nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung không có cơ sở theo hướng dẫn tại mục khoản 1, khoản 2 mục III Phụ lục này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin đề xuất bằng văn bản.

b) Thu thập, đánh giá, phân tích, tổng hợp các báo cáo sửa đổi, bổ sung và lấy ý kiến các đơn vị có liên quan về việc ban hành Danh mục.

c) Tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Tổng cục ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục.

d) Báo cáo đề xuất Tổng cục ban hành văn bản chấn chỉnh những sai sót, tồn tại, bất cập trong công tác xây dựng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế trên cơ sở các thông tin do các đơn vị cung cấp./.



Phụ lục VI
DANH MỤC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 583 /QĐ-TCHQ ngày 22 /3/2019 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

1. Mẫu số 01: Đề xuất bổ sung các mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.
2. Mẫu số 02: Báo cáo và đề xuất sửa đổi các mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.
3. Mẫu số 03: Cung cấp thông tin mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.

....., Ngày.....tháng.....năm 2019

ĐỀ XUẤT BỔ SUNG CÁC MẶT HÀNG RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

STT	Tên hàng hóa	Mã số và mức thuế		Phương thức, thủ đoạn vi phạm	Số thuế thu bổ sung	Số lần vi phạm	Lý do xin
		Mã số và mức thuế doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số và mức thuế rủi ro cần kiểm tra				
1	2	3	4	5	6	7	8

LÃNH ĐẠO PHÒNG THUẾ XNK

LÃNH ĐẠO CỤC

....., Ngày...tháng.....năm 2019

BÁO CÁO VÀ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI CÁC MẶT HÀNG RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

1. Báo cáo kết quả xử lý các mặt hàng thuộc Danh mục rủi ro thuộc các tờ khai được phân luồng xanh:

- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng:
- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế.
- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế đã được xử lý theo hướng dẫn tại Danh mục và công văn số 2119/TCHQ-TXNK ngày 30/3/2017 của TCHQ.

2. Đề xuất sửa đổi các mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế:

STT	Tên hàng hóa	Mã số và mức thuế				Phương thức, thủ đoạn vi phạm	Nguồn cung cấp thông tin rủi ro	Đề nghị biện pháp kiểm tra	Lý do đề xuất
		Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mức thuế doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần phải kiểm tra	Mức thuế cần phải kiểm tra theo các Biểu thuế (MFN hay FTA, ...)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Ví dụ:	Cá nước ngọt (còn sống)	9802.00.00	0% (MFN)	0301.99.40	20% (MFN)	Khai báo sai từ cá chép thường thành cá chép để làm giống nhằm hưởng mức thuế suất thấp tại Chương 98	Phát hiện qua kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm tra sau thông quan, ...		

LÃNH ĐẠO PHÒNG THUẾ XNK

LÃNH ĐẠO CỤC

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐƠN VỊ

Mẫu số 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**CUNG CẤP THÔNG TIN MẶT HÀNG RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI
VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ**

1. Mặt hàng xuất khẩu/nhập khẩu cung cấp thông tin:

STT	Mã số khai báo	Tên hàng khai báo	Mức thuế khai báo	Xuất xứ khai báo	Điều kiện áp dụng Biểu thuế
1					
2					

2. Thông tin thu thập được, bao gồm:

-
-

3. Các tài liệu kèm theo, bao gồm:

-
-

4. Nội dung kiến nghị/căn cứ/cơ sở:

LÃNH ĐẠO PHÒNG

LÃNH ĐẠO CỤC